**BÀI 31: THỰC HÀNH QUAN SÁT NGUYÊN SINH VẬT**

Môn học: KHTN - Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

Nhận biết được hình dạng, cấu tạo và khả năng di chuyển của một số nguyên sinh vật.

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Quan sát hình ảnh về nguyên sinh vật.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để làm tiêu bản nguyên sinh vật.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nhìn vào tiêu bản dưới kính hiển vi, phân biệt được các nguyên sinh vật có trong môi trường tự nhiên.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

- Năng lực nhận thức sinh học: Làm được tiêu bản nguyên sinh vật, quan sát được hình dạng, cấu tạo và khả năng di chuyển của nguyên sinh vật dưới kính hiển vi.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Phân biệt được các nguyên sinh vật và vai trò của chúng trong thực tiễn.

**3. Phẩm chất**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm chỉ, chịu khó trong việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm.

- Trung thực, cẩn thận trong sự quan sát các đặc điểm cấu tạo của nguyên sinh vật.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Hình ảnh một số loài nguyên sinh vật.

- Tiêu bản mẫu trùng roi, trùng giày

- Video sự di chuyển của trùng biến hình, trùng roi.

- Các dụng cụ thiết bị: lam kính, lamen, ống nhỏ giọt, kính hiển vi.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** HS nhắc lại kiến thức nguyên sinh vật, nhận biết một số hình ảnh nguyên sinh vật

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh và ghi lại tên các loài nguyên sinh vật đã quan sát được.

**c) Sản phẩm:** nhắc lại 1 số nguyên sinh vật đã được biết đến ở tiết học trước: trùng giày, tảo lục, trùng roi…

**d) Tổ chức thực hiện:** GV chiếu hình ảnh một số nguyên sinh vật, yêu cầu HS nhắc lại tên, đặc điểm và vai trò của các nguyên sinh vật đó.

**2. Hoạt động 2: Thực hành làm tiêu bản nguyên sinh vật**

**a) Mục tiêu:** Làm được tiêu bản tạm thời các mẫu nguyên sinh vật: động vật nguyên sinh, tảo đơn bào....

**b) Nội dung:** Làm tiêu bản tạm thời từ giọt nước ao, hồ.

- Bước 1: Nhỏ 1 giọt nước ao, hồ lên lam kính

- Bước 2: Đậy lamen lên, dùng giấy thấm bớt nước thừa

- Bước 3: Đặt lên kính hiển vi, vật kính 10 để quan sát, sau khi nhìn rõ, chuyển lên vật kính 40, tìm vị trí có nguyên sinh vật.

**c) Sản phẩm:** Tiêu bản tạm thời các nguyên sinh vật có trong nước ao, hồ…

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ học tập: Chia lớp thành nhóm (4-6HS). Yêu cầu các em quan sát hình ảnh sách giáo khoa và hướng dẫn thêm về các bước làm tiêu bản.

- Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận để cùng thực hiện theo các bước: Nhỏ một giọt nước nuôi cấy lên lam kính, đậy lamen lên.

- Báo cáo, thảo luận: Tiêu bản cần đủ nước, không xô lệch.

- Kết luận, nhận định: GV đánh giá kĩ năng làm tiêu bản của học sinh.

**3. Hoạt động 3: Quan sát nguyên sinh vật dưới kính hiển vi**

**a) Mục tiêu:** Quan sát, vẽ lại hình ảnh quan sát được dưới kính hiển vi

**b) Nội dung:** Sử dụng kính hiển vi quang học để quan sát và vẽ lại hình dạng cấu tạo nguyên sinh vật

\* Quan sát trùng roi:

- Quan sát hình thái cấu tạo cơ thể: Quan sát tiêu bản bằng kính hiển vi ở vật kính 10x. Cơ thể trùng roi có dạng hình thoi, thuôn nhỏ về hai đầu. Trùng roi có hình dạng tương đối ổn định nhờ có một màng phim với nhiéu khía xiên bao bọc bên ngoài. Do tính đàn hồi của màng phim nên hình dạng cơ thể có thể thay đổi khi trùng roi di chuyển. Có thể quan sát thấy trong cơ thể trùng roi những hạt diệp lục hình tròn hay hình bẩu dục, nhờ đó mà chúng có khả năng quang hợp (tự dưỡng). Ngoài ra chúng còn có những hạt tinh bột nhỏ, hình bầu dục là sản phẩm của quang hợp.

- Quan sát sự vận động: Ở vật kính lớn hơn (40x) có thể thẩy được những cẩu tạo chi tiết hơn của phần đầu. Cơ quan di chuyển là roi bơi, nằm ở phần đầu phía trước cơ thể. Roi bơi luôn vận động, xoáy vào trong nước làm cho con vật vừa dịch chuyển vế phía trước, vừa xoay quanh trục dọc cơ thể như một mủi khoan. Để thấy rõ hoạt động của roi bơi, cần khép bớt ánh sáng của hiển vi trường và nhấp nháy ốc vận chuyển nhỏ.

\* Quan sát trùng giày:

- Quan sát hình thái cấu tạo cơ thể: Quan sát tiêu bản bằng kính hiển vi ở vật kính nhỏ (lOx). Trùng giày có kích thước khá lớn, dài khoảng 100 - 300 jLim và có hình đế giày thuôn nhỏ về phía trước, hơi phình to ở phía sau và lõm vào ở phía giữa làm cho con vật mất đối xứng. Hình dạng cơ thể trùng giày tương đối cố định do có màng phim bao bọc xung quanh. Do tính đàn hổi của màng phim mà con vật có thể tạm thời thay đổi hình dạng chút ít khi tránh các chướng ngại vật trong lúc di chuyển. Để có thể quan sát được một cách chi tiết, cần phải quan sát của màng phim mà con vật có thể tạm thời thay đổi hình dạng chút ít khi tránh các chướng ngại vật trong lúc di chuyển. Để có thể quan sát được một cách chi tiết, cần phải quan sát trùng giày ở vật kính lớn hơn (40x). Muốn vậy phải hạn chế sự dịch chuyển của trùng giày bằng cách: cho một số sợi bông vào trong giọt nước nuôi trên lam kính trước khi đậy lamen lên trên. Các sợi bông sẽ tạo nên các “chuồng” nhỏ, nhốt trùng giày ở trong.

- Quan sát sự vận động: trùng giày chuyển vận bằng lông bơi. Lông bơi là một lớp lông ngắn bao bọc trên toàn bộ bể mặt cơ thể. Khi di chuyển, các lông bơi hoạt động không đồng đều mà kế tiếp nhau, tạo nên các làn sóng làm cho con vật vừa tiến lên phía trước, vừa xoay quanh trục dọc của cơ thể một cách nhịp nhàng. Lông bơi vùng đuôi dài hơn dùng để lái.

**c) Sản phẩm:** Điều chỉnh được kính hiển vi để quan sát và vẽ được mẫu vật

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ học tập:

- Thực hiện nhiệm vụ: HS đặt tiêu bản lên kính hiển vi, quan sát và vẽ lại.

- Báo cáo, thảo luận: Thảo luận về các câu hỏi:

+ Trùng roi di chuyển nhờ bộ phận nào?

+ Trùng giày di chuyển như thế nào?

+ Trùng giày và trùng roi có vai trò gì trong thực tiễn?

- Đánh giá: GV đánh giá kĩ năng thực hiện thí nghiệm của học sinh thông qua sản phẩm, hình vẽ của học sinh trên vở, khả năng điều chỉnh kính hiển vi.

+ Ngoài ra, GV đánh giá ý thức khi tham gia học tập tại phòng thí nghiệm, kĩ năng làm việc nhóm.

**BÀI 32: NẤM**

Môn học: KHTN - Lớp: 6

Thời gian thực hiện: tiết

**I. Mục tiêu**

1. **Kiến thức:**
* Kể tên được một số loại nấm và môi trường sống của chúng, từ đó thể hiện được sự đa dạng của nấm .
* Phân loại được 3 đại diện của nấm dựa vào cấu trúc của cơ quan tạo bào tử.
* Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người.
* Nêu được một số bệnh do nấm gây ra ở con người, thực vật và động vật.
* Nêu được một số biện pháp phòng tránh bệnh do nấm gây ra ở con người.
1. **Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về sự đa dạng của nấm, vai trò và các bệnh do nấm gây ra.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để kể tên được các loại nấm và môi trường sống, vai trò của nấm, các bệnh do nấm gây ra.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: GQVĐ để tìm ra cùng tìm ra các biện pháp phòng tránh các bệnh về nấm.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

* Kể tên được một số lọai nấm và môi trường sống của chúng.
* Phân loại được 3 đại diện của nấm dựa vào cấu trúc của cơ quan bào tử.
* Nhận biết được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người.
* Nhận biết được một số bệnh do nấm gây ra và nêu các cách phòng, chống.
* Vận dụng kiến thức để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn như: tại sao khi sử dụng thức phẩm chúng ta cần phải xem hạn sử dụng và quan sát màu sắc của thức phẩm, …
1. **Phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

* Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thức hiện nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về nấm.
* Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thưc hiện nhiệm vụ thảo luận về các đặc điểm về sự đa dạng, vai trò và các bệnh do nấm gây ra.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

* Hình ảnh về một số loại nấm, vai trò, các bệnh về nấm.
* Đoạn phóng sự “ăn phải nấm độc, 3 người thương vong” (<https://coccoc.com/search?query=%C4%83n%20ph%E1%BA%A3i%20n%E1%BA%A5m%20%C4%91%E1%BB%99c%2C%203%20ng%C6%B0%E1%BB%9Di%20th%C6%B0%C6%A1ng%20vong&tbm=vid>)
* Đoạn video liên quan đến dấu hiệu nhận biết nấm độc (<https://coccoc.com/search?query=d%E1%BA%A5u%20hi%E1%BB%87u%20nh%E1%BA%ADn%20bi%E1%BA%BFt%20n%E1%BA%A5m%20%C4%91%E1%BB%99c&tbm=vid>)
* Phiếu học tập KWL và phiếu học tập số 1, 2, 3 bài 3: Nấm ( đính kèm)

**III. Tiến trình dạy học**

1. **Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập là tìm hiểu về nấm**
2. **Mục tiêu:** Giúp học sinh xác đinh được vấn đề học tập là tìm hiểu về nấm.
3. **Nội dung:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân trên phiếu học tập KWL để kiểm tra kiến thức đã có của học sinh về “nấm”.
* Các em có biết vì sao những “cây nấm” nhỏ bé lại được coi là những sinh vật to lớn trên Trái Đất không? Nấm có hình dạng như thế nào, sống ở đâu, nấm có đặc điểm và vai trò gì?
* Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân trên phiếu học tập KWL để kiểm tra kiến thức đã có của học sinh về “nấm”.
1. **Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh trên phiếu học tập KWL, có thể:

+ Tất cả các loài nấm được xếp vào giới Nấm: là những sinh vật nhân thức, đơn bào hoặc đa bào, sống dị dưỡng.

+ có những loài nấm nhỏ bé không thể nhìn thấy bằng mắt thường mà phải quan sát bằng kính hiển vi.

+ Có lòai có lợi hoặc có hại, tồn tại ở những môi trường khác nhau như đất, nước, không khí, thức ăn…, có thể gây ra bệnh ở người và các sinh vật khác, ….

1. **Tổ chức thực hiện:**

- Giáo viên đặt câu hỏi xác định vấn đề, sau đó gọi liên tiếp các học sinh phát biểu ý kiến và xác định được vấn đề học tập là tìm hiểu về “nấm”.

* Giáo viên phát phiếu học tập KWL và yêu cầu học sinh thực hiện cá nhân theo yêu cầu viết trên phiếu (ô con đã biết, ô con chưa biết).
* Giáo viên gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án về những điều con đã biết và chưa biết.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về đa dạng nấm**

1. **Mục tiêu:**
* Quan sát hình ảnh và mô tả được các hình dạng chủ yếu của nấm.
* Kể tên được các loại nấm và môi trường sống của chúng.

Từ đó nhận ra được sự đa dạng của nấm về hình dạng, môi trường sống và phân loại được 3 nhóm nấm dựa vào cấu trúc của cơ quan bào tử.

1. **Nội dung:**
* Hoàn thành các câu hỏi trong phiếu học tập số 1:

+ Nhắc lại đặc điểm chung của giới nấm?

+ Kể tên các loại nấm mà em biết? Chúng có hình dạng như thế nào và môi trường sống của chúng?

+ Đọc thông tin sách giáo khoa phần I, trang 128, Em hãy cho biết dựa vào cấu trúc cơ quan tạo bào tử, nấm được chia thành mấy nhóm, kể tên?

1. **Sản phẩm:** Đáp án của HS, có thể:

- Tất cả các loài nấm được xếp vào giới Nấm: là những sinh vật nhân thức, đơn bào hoặc đa bào, sống dị dưỡng.

- Một số lọai nấm: nấm kim châm, nấm mốc, nấm linh chi, nấm men, nấm rơm, nấm đùi gà, nấm mèo (mộc nhĩ), …

- Nấm sống ở nhiều môi trường khác nhau: trong không khí, trong nước, trong đất, trong cơ thể người và các sinh vật sống khác.

- Nấm chủ yếu ở những nơi nóng ẩm, giàu dinh dưỡng, một số sống được ở điều kiện khắc nghiệt.

- Dựa vào cấu trúc cơ quan tạo bào tử, nấm được chia thành 3 nhóm: nấm túi, nấm đảm, nấm tiếp hợp.

=> Nấm đa dạng về đặc điểm hình thái và môi trường sống.

1. **Tổ chức thực hiện:**
* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: Phát phiếu học tập số 1 cho các nhóm.
* HS thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 1.
* Báo cáo, thảo luận: GV gọi ngẫu nhiên một nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến)
* Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chốt nội dung.

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về vai trò của nấm.**

1. **Mục tiêu:**

- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người.

1. **Nội dung:**
* Hoàn thành phiếu học tập số 2 hoàn thành bảng theo mẫu sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Vai trò của nấm đối với con người** | **Tên các loại nấm** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| ….. | ….. |

1. **Sản phẩm:**

**Vai trò của nấm:**

- Trong tự nhiên: tham gia vào quá trình phân hủy chất thải và xác động vật, thực vật thành các chất đơn giản cung cấp cho cây xanh và làm sạch môi trường.

+ Dùng làm thực phẩm: nấm kim châm, mộc nhĩ, nấm hương, nấm đùi gà, …

+ Dùng trong công nghiệp chế biến thực phẩm: nấm mem, nấm mốc, …

+ Dùng làm thuốc: nấm linh chi, đông trùng hạ thảo, …

1. **Tổ chức thực hiện:**
* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: Phát phiếu học tập số 2 cho các nhóm.
* HS thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 2.
* Báo cáo, thảo luận: GV gọi ngẫu nhiên một nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.
* Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chốt nội dung về cấu tạo của vi khuẩn.

 **Hoạt động 2.3: Tìm hiểu một số bệnh do nấm gây ra.**

**a, Mục tiêu:**

* Nhận biết được một số bệnh do nấm gây ra và nêu các cách phòng, chống.
* Vận dụng kiến thức để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn như: tại sao khi sử dụng thực phẩm chúng ta cần phải xem hạn sử dụng và quan sát màu sắc của thức phẩm, …

**b, Nội dung:**

- Hoàn thành phiếu học tập số 3

+ Hoàn thành nhiệm vụ theo mô hình “kĩ thuật khăn trải bàn”, mỗi HS nêu những bệnh do nấm gây cho con người, thực vật, động vật và cách phòng tránh.

+ Vận dụng kiến thức để giải thích: tại sao khi sử dụng thực phẩm chúng ta cần phải xem hạn sử dụng và quan sát màu sắc của thức phẩm

 **c, Sản phẩm:**

- Ở người: nấm gây ra các bệnh như: nấm lưỡi, lang ben, hắc lào, nấm da đầu, …

- Ở thực vật: mốc cam ở thực vật, nấm khiến cây chết non, thối rễ, nấm gây hỏng lá, thân cây…

- Ở động vật: bệnh nấm trên da động vật gây lở loét, rụng lông, …

- Nấm còn làm hỏng thức ăn, đồ uống làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, tăng nguy cơ gây ung thư và còn gây hư hỏng quần áo, đồ đạc.

- Biện pháp phòng tránh: giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, đồ đạc quần áo khô ráo, sử dụng các loại thuốc kháng nấm.

**d, Tổ chức thực hiện:**

* GV chia thành các nhóm 4 học sinh.
* GV giao tiếp nhiệm vụ hoàn thành phiếu học tập số 3 (theo kĩ thuật khăn trải bàn), mỗi học sinh viết ý kiến của mình vào ô ý kiến cá nhân, sau đó các thành viên tổng hợp lại ý kiên của cả nhóm vào ô ở giữa.
* HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi liên hệ thực tế.
* Sau khi các nhóm hoạt động xong, GV mời ngẫu nhiên đại diện của 3 nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.
* GV chiếu video liên quan đến phòng sự “ăn phải nấm độc, 3 người thương vong” và dấu hiệu nhận biết nấm độc.
* Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chốt nội dung về các bệnh do nấm gây ra.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

1. **Mục tiêu:** Hệ thống được một số kiến thức đã học về: đa dạng nấm, vai trò và một số bệnh do nấm gây ra.
2. **Nội dung:**
* Học sinh thực hiện phần “Con học được trong giờ học” trên phiếu KWL.

- HS hệ thống lại kiến thức bài học bằng “Sơ đồ tư duy”

1. **Sản phẩm:**
* HS trình bày quan điểm cá nhân về đáp án trên phiếu học tập KWL.
* Sơ đồ tư duy các con vẽ trong vở hoặc giấy A4.
1. **Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân phần “Con học được trong giờ học” trên phiếu học tập KWL và tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy

- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

- Báo cáo: GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân.

- Kết luận: GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

1. **Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.
2. **Nội dung:**

**-** Giải quyết vấn đề đặt ra ở đầu bài: “Tại sao coi nấm là một sinh vật lớn nhất thế giới.

**-** Những mảng bám, hình vảy trên đá trên cây hay trên tường là địa y – một dạng sống đặc biệt.

**-** Thực hành quan sát sự hình thành nấm. (Các bước thực hiện trong sách giáo khoa mục “Em có thể”)

1. **Sản phẩm:**

- Mục “Em có biết”

 - HS có được mẫu vật là mẩu bánh mì, cơm hoặc khoai, … đã lên nấm mốc của mình.

1. **Tổ chức thực hiện:**

**-** Học sinh đọc mục “em có biết”

**-** Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp phần thực hành quan sát nấm và nộp sản phẩm vào tiết sau.

**BÀI 33: THỰC HÀNH QUAN SÁT CÁC LOẠI NẤM**

Môn học: KHTN - Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. Mục tiêu**

1. **Kiến thức:**
* Trình bày được cách thức quan sát một số loại nấm.
* Sử dụng được kính lúp, kính hiển vi để thực hiện quan sát được một số loại nấm.
* Mô tả được đặc điểm của một số loại nấm dựa trên kết quả quan sát (nấm mốc, nấm đảm- nấm quả).
* Quan sát, xác định được các bộ phận của nấm quả trên mẫu vật.
* Vẽ được hình ảnh một số loại nấm đã quan sát.
* Tìm hiểu cách trồng và thực hiện trồng thử một mẫu nấm đảm có ích (tùy theo điều kiện của HS).
1. **Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ và tự học: đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về cách thức quan sát một số loại nấm, tự chuẩn bị được mẫu nấm (nấm mốc, nấm đảm); chủ động thực hiện nhiệm vụ quan sát và thảo luận nhóm.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra cách thức quan sát; trao đổi kết quả quan sát, rút ra nhận xét và hoàn thiện báo cáo thu hoạch.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thực hiện quan sát và mô tả được đặc điểm của một số mẫu nấm thường gặp, thực hiện trồng thử 1 mẫu nấm đảm có ích.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

* Nhận thức khoa học tự nhiên: trình bày được cách quan sát, mô tả được đặc điểm và hệ thống được các đặc điểm của các mẫu nấm quan sát.
* Tìm hiểu tự nhiên: thực hiện quan sát bằng mắt thường, sử dụng kính lúp, kính hiển vi để quan sát một số mẫu nấm; hệ thống và trình bày được kết quả quan sát thông qua báo cáo thu hoạch.
* Vận dụng kiến thức: nhận dạng được nấm trong tự nhiên và mô tả được đặc điểm của các đại diện nấm HS bắt gặp trong tự nhiên, thực hiện trồng thử 1 mẫu nấm đảm có ích.
1. **Phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

* Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, tự giác thực hiện các nhiệm vụ học tập của cá nhân và phối hợp tích cực với các thành viên trong nhóm.
* Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả dựa theo kết quả quan sát.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Dụng cụ, thiết bị: Kính hiển vi, kính lúp, dao mổ, lam kính, giấy thấm, nước cất, panh, kim mũi mác, lamen, ống nhỏ giọt, khẩu trang (đủ theo số lượng các nhóm).

* Mẫu vật + hình ảnh: một số mẫu nấm mốc trên bánh mì/ cơm, quả cà chua,…; một số loại nấm tươi: nấm sò, nấm đùi gà, nấm kim châm, mộc nhĩ, nấm hương, nấm rơm,…
* Hình ảnh cấu tạo một nấm quả.
* Phiếu Báo cáo thu hoạch.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập: quan sát tìm hiểu một số loại nấm**

1. **Mục tiêu:** HS xác định được nhiệm vụ của tiết học: thực hành quan sát một số loại nấm và báo cáo, phân tích, tổng hợp kết quả quan sát.
2. **Nội dung:** HS trả lời câu hỏi để tái hiện lại kiến thức đã học về nấm, kích hoạt hứng thú và mong muốn được quan sát tìm hiểu đặc điểm của một số loại nấm của HS.
3. **Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS về đặc điểm của nấm mà em biết, em đã được học (có thể dễ dàng tìm kiếm được nấm ở những nơi ẩm có chất dinh dưỡng; có nhiều loại nấm với hình dạng, kích thước đa dạng; có loại nấm ăn được, có loại gây độc,…).

1. **Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu câu hỏi: Hãy nêu nhanh 3 đặc điểm về nấm mà em biết.

- GV gọi ngẫu nhiên học sinh trả lời, những HS trình bày sau không trùng với ý kiến của HS trình bày trước. GV ghi nhanh ý kiến của HS trên bảng.

- GV giới thiệu mẫu vật/hình ảnh: mẫu nấm mốc trên bánh mì, nấm tươi- nấm kim châm, nấm hương, nấm rơm,… → cùng nhau quan sát một số loại nấm để tìm hiểu thêm về đặc điểm cấu tạo của nấm.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về cách thức quan sát nấm và xác định được nội dung báo cáo thu hoạch.**

1. **Mục tiêu:**

-Trình bày được cách thức quan sát một số loại nấm, làm tiêu bản và xác định được nội dung báo cáo thu hoạch trong tiết thực hành.

1. **Nội dung:**

- HS nghiên cứu tài liệu SGK, thảo luận nhóm, khái quát, nêu cách thức quan sát một số loại nấm.

- HS xác định rõ nội dung cần hoàn thiện khi quan sát các mẫu nấm (nhóm HS xác định nội dung cần tìm hiểu, quan sát để điền vào phiếu học tập).

1. **Sản phẩm:** Đáp án của HS, có thể:

- Học sinh nêu được cách thức quan sát nấm và làm tiêu bản:

 + Quan sát bằng mắt thường và kính lúp: hình dạng, màu sắc, cấu trúc của đám mốc trên các mẫu vật; hình dạng, xác định các bộ phận của một nấm quả.

+ Nêu được các bước làm tiêu bản sợi nấm mốc:

• B1: Dùng panh gắp một đám mốc nhỏ trên lam kính.

• B2: Nhỏ 1-2 giọt nước cất lên đám mốc trên lam kính.

• B3: Dùng kim tách nhẹ đám mốc thành các mảnh nhỏ.

• B4: Đậy lamen lên, thấm nước thừa, quan sát dưới kính hiển vi (độ phóng đại 200-400).

 + Quan sát và ghi/vẽ lại đặc điểm.

 + Lưu ý: Rửa tay trước và sau khi làm thí nghiệm, đảm bảo đúng quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm.

- Thảo luận nhóm, hoàn thiện bản báo cáo thu hoạch (Phụ lục).

1. **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm: Nghiên cứu tài liệu SGK, thảo luận nhóm, nêu cách thức quan sát nấm và làm tiêu bản.

- HS thực hiện hoạt động học tập, thảo luận, thống nhất ý kiến, trình bày rõ cách thực hiện.

- GV tổ chức thảo luận chung: gọi đại diện nhóm trình bày cách quan sát, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và nhấn mạnh cách quan sát, phát Phiếu Báo cáo thu hoạch → HS hiểu rõ cách thức quan sát nấm và xác định được nội dung báo cáo thu hoạch.

**Hoạt động 2.2: Tiến hành làm tiêu bản, quan sát mẫu nấm và ghi kết quả quan sát**

1. **Mục tiêu:**

- Sử dụng được kính lúp, kính hiển vi để thực hiện quan sát được một số loại nấm.

- Mô tả được đặc điểm của một số loại nấm dựa trên kết quả quan sát (nấm mốc, nấm đảm- nấm quả).

- Quan sát, xác định được các bộ phận của nấm quả trên mẫu vật.

- Vẽ được hình ảnh một số loại nấm đã quan sát.

1. **Nội dung:**

- HS làm tiêu bản mẫu nấm mốc trắng, mốc đen trên bánh mì, quả cà chua.

- HS quan sát mẫu vật, ghi lại đặc điểm quan sát và thảo luận theo nhóm hoàn thiện báo cáo thu hoạch.

- Đại diện nhóm HS trình bày kết quả quan sát trước lớp, nhóm khác nhận xét bổ sung.

1. **Sản phẩm:**

- Tiêu bản nấm mốc.

- Báo cáo thu hoạch.

1. **Tổ chức thực hiện:**

-GV giao nhiệm vụ học tập: thực hiện theo nhóm:

+ Quan sát bằng mắt thường, kính lúp một số loại nấm mốc, một số nấm quả kim châm, nấm rơm, nấm hương, nấm sò.

+ Làm tiêu bản nấm mốc trắng, mốc đen bánh mì, quan sát dưới kính hiển vi.

+ Ghi lại kết quả quan sát, thảo luận, hoàn thiện nội dung Phiếu báo cáo thực hành.

-HS thực hiện nhiệm vụ.

-Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét, bổ sung (GV chiếu báo cáo thực hành của các nhóm để HS nhận xét).

- Kết luận: GV nhận xét kết quả hoạt động, đánh giá hiệu quả thực hành của các nhóm.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

1. **Mục tiêu:**

 - HS vận dụng kiến thức, quan sát, mô tả và xác định được các bộ phận trên một số mẫu nấm: nấm đùi gà, mộc nhĩ.

1. **Nội dung:**

- HS quan sát, mô tả đặc điểm hình dạng, xác định được các bộ phận trên một số mẫu nấm.

1. **Sản phẩm:**

- HS mô tả, xác định trên mẫu vật.

1. **Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ học tập: GV phát mẫu vật cho các nhóm, nêu yêu cầu quan sát: mô tả đặc điểm hình dạng, xác định cấu tạo của một số nấm quả: mộc nhĩ, nấm đùi gà.

- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

- Báo cáo: GV gọi đại diện nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Kết luận: GV nhận xét, nhấn mạnh: Các loại nấm mốc thường có kích thước nhỏ, các loại nấm quả: phần cơ quan sinh dưỡng có dạng sợi thường ăn sâu vào cơ chất để lấy chất dinh dưỡng, phần cuống nấm và mũ nấm thuộc vào cơ quan sinh sản thường được con người khai thác làm thức ăn. Một số loại nấm có độc.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

1. **Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học, hợp tác, tìm tòi cách trồng nấm và thực hiện trồng thử 1 mẫu nấm đảm có ích tại nhà.
2. **Nội dung:** HS tìm hiểu về cách trồng một số loại nấm (rơm, kim châm, sò, mộc nhĩ,…), thực hiện theo nhóm: chọn và trồng thử một mẫu nấm mà nhóm có thể thực hiện được.
3. **Sản phẩm:** HS tìm kiếm thông tin, chọn 1 mẫu nấm đảm có ích, phù hợp với điều kiện để trồng thử; xác định được các nguyên liệu, dụng cụ cần thiết, lên kế hoạch và thực hiện trồng nấm.
4. **Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu yêu cầu.

- HS hoạt động theo nhóm, tìm thông tin và thực hiện ở nhà, mang sản phẩm tới lớp để giới thiệu.

- GV+ HS: nhận xét, phân tích, đánh giá sản phẩm của HS, rút kinh nghiệm.

**PHỤ LỤC**

**BÁO CÁO THU HOẠCH**

**BÀI 33. THỰC HÀNH: QUAN SÁT CÁC LOẠI NẤM**

Nhóm:... Lớp:….

**1. Mô tả các loại nấm mốc trên mẫu vật đã chuẩn bị theo các tiêu chí trong bảng sau:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **Tiêu chí so sánh****Mốc trên mẫu vật** | **Màu sắc** | **Hình dạng** | **Cấu tạo sợi mốc****(có thể vẽ hình)** |
| Mốc trắng trên bánh mì/ cơm | Màu trắng | Sợi | Sợi nấm màu trắng, phân nhánh nhiều, không có vách ngăn ngang, chứa nhiều nhân. |
|  |  |  |  |

**2. Dựa trên kết quả quan sát các thành phần cấu tạo của mỗi mẫu nấm đã chuẩn bị, em hãy hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Cấu tạo****Tên nấm** | Vảy nấm | Mũ nấm | Phiến nấm | Cổ nấm | Cuống nấm | Bao gốc | Sợi nấm |
| Nấm sò |  | ✓ | ✓ |  | ✓ |  | ✓ |
| Nấm kim châm |  |  |  |  |  |  |  |
| Nấm rơm |  |  |  |  |  |  |  |
| Nấm hương |  |  |  |  |  |  |  |

**3. Vẽ hình ảnh của loại nấm đã quan sát được, chú thích các bộ phận của nấm:**

**BÀI 34: THỰC VẬT**

Môn học: Khoa học tự nhiên 6

Thời gian thực hiện: 04 tiết

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Phân biệt được hai nhóm thực vật có mạch và không có mạch

- Nhận biết được các nhóm thực vật: Rêu, Dương xỉ, hạt trần, hạt kín thông qua tranh ảnh và mẫu vật

- Trình bày được vai trò của thực vật trong tự nhiên và trong đời sống.

**2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung:**

* Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, mẫu vật để tìm hiểu về sự đa dạng của thực vật, đặc điểm các nhóm thực vật và vai trò của thực vật
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra đặc điểm của từng nhóm thực vật và vai trò của thực vật đối với môi trường và đối với động vật, con người.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: GQVĐ trong việc tìm hiểu đặc điểm các nhóm thực vật, vai trò của thực vật

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên:**

- Lấy được các ví dụ đại diện cho các nhóm thực vật và ví dụ cho từng vai trò của thực vật.

**-** Nêu được đặc điểm của các nhóm thực vật trong tự nhiên: Rêu; Dương xỉ; Hạt trần; Hạt kín.

- Trình bày được vai trò của thực vật đối với môi trường và đối với động vật, con người**.**

- Xác định được tầm quan trọng của thực vật

- Thực hiện được việc xếp các loài thực vật ( mẫu vật) vào các nhóm thực vật

**3. Phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về thực vật.

- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ, thảo luận về môi trường sống, đặc điểm cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản của các nhóm thực vật và vai trò của thực vật đối với môi trường và con người.

- Yêu thiên nhiên **,**có ý thức để bảo vệ cây xanh, bảo vệ rừng, BV MT sống.

- Trung thực báo cáo chính xác, nhận xét khách quan kết quả thực hiện.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Video bài hát Khu vườn của bé: <https://youtu.be/iXu3aHRTLcA>.

- Hình ảnh và mẫu vật các đại diện thuộc các nhóm thực vật: rêu tường, dương xỉ, thông, vạn tuế, khế, bưởi

- Video sạt lở đất: <https://youtu.be/rJgrJWrhMj0>.

- Thí nghiệm : 1 chậu trồng cây, 1 chậu chỉ có đất, nước, cốc nhựa,

- Hình ảnh về vai trò của thực vật: lũ lụt, hạn hán, nơi ở, nơi sinh sản, thức ăn cho động vật, điều hoà khí hậu, các cây tiêu diệt vi khuẩn

- Phiếu học tập 1 , 2 và 3

- Các mảnh ghép ghi đặc điểm các nhóm thực vật

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1:** Xác định vấn đề học tập là các nhóm thực vật và vai trò của thực vật

**a) Mục tiêu**:

Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là: Thực vật rất đa dạng, gồm nhiều nhóm và nhiều loài khác nhau. Các nhóm, loài TV trong tự nhiên có đặc điểm khác nhau. Tuy nhiên thực vật lại có vai trò vô cùng quan trọng đối với môi trường, động vật và con người

 **b) Nội dung:**

- Chiếu video bài hát Khu vườn của bé Link: <https://youtu.be/848hY3d1JGw>.

- Yêu cầu mỗi học sinh :

+ Kể tên các loài TV xuất hiện trong video và các loài thực vật mà em biết trong tự nhiên

+ Dự đoán chủ đề ngày hôm nay học

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của cá nhân HS, HS khác đánh giá, bổ sung ý kiến.

Các loài thực vật như: na, dừa, mít, gấc, …

**d) Tổ chức thực hiện**:

- Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh: Xem video bài hát khu vườn của bé và yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau: Dựa vào video cho biết:

+ Trong video có nhắc đến tên các loài TV nào? Kể thêm tên các loài TV mà em biết trong tự nhiên?

+ Dự đoán chủ đề sẽ học hôm nay

- Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện nhiệm vụ, giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Học sinh xem video và thực hiện trả lời câu hỏi. GV có thể chiếu lại video lần 2 để HS hiểu rõ hơn.

- Báo cáo kết quả (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo kết quả, thảo luận): GV gọi 1 HS bất kì báo cáo kết quả đã tìm được. HS khác bổ sung, nhận xét, đánh giá.

- Kết luận, nhận định (giáo viên "chốt"): Trình bày câu trả lời đúng: Chủ đề sẽ học hôm nay là thực vật

Tuy TV rất đa dạng, nhưng chúng có những nhóm chính và đại diện nào trong tự nhiên? Chúng có cấu tạo và vai trò như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu bài học ngày hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu đa dạng thực vật**

**a) Mục tiêu:**

- Kể tên được các loài thực vật quan sát

 - Xác định được môi trường sống, kích thước, số lượng loài các loài thực vật

**b) Nội dung:**

- GV chiếu slide hình ảnh về các cây bèo tấm, nong tằm, babap, đồi cọ, cây xương rồng, cây đước .

- GV yêu cầu học sinh làm việc học sinh làm việc cá nhân quan sát hình ảnh các loài thực vật để hoàn thành pht 1

- GV chiếu slide bảng số lượng thực ở Việt Nam.Yêu cầu HS rút ra nhận xét về số lượng loài thực vật

**c) Sản phẩm:**

- Đáp án PHT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên thực vật** | **Môi trường sống** | **Kích thước** |
| Bèo tấm | Dưới nước | Nhỏ |
| Nong tằm | Dưới nước | To |
| Babap | Trên cạn | To |
| Cây cọ | Trên cạn | Trung bình |
| Xương rồng | Trên cạn(nơi khô hạn) | Trung bình |
| Cây Đước | Dưới nước (vùng ngập mặn) | Trung bình |

- Thực vật đa dạng về môi trường sống, kích thước, số lượng

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao, HS nhận)

GV yêu cầu học sinh:

+ Quan sát hình, làm việc cá nhân hoàn thành PHT 1

+ Rút ra nhận xét về môi trường sống và kích thước các loài thực vật

+ Quan sát bảng số lượng các loài thực vật ở Việt Nam🡪 Nhận xét về số lượng loài

+ Rút ra kết luận: Sự đa dạng của thực vật được thể hiện ở những tiêu chí nào?

- Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện nhiệm vụ, giáo viên theo dõi, hỗ trợ):

+ HS quan sát hình, làm việc cá nhân hoàn thành bảng

+ Rút ra nhận xét về môi trường sống, kích thước các loài thực vật quan sát được

+ Nhận xét về số lượng loài thực vật ở Việt Nam

+ Rút ra kết luận: Sự đa dạng của thực vật được thể hiện ở những tiêu chí nào?

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo):

+ GV lựa chọn 01 học sinh bất kì báo cáo kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét, đánh giá về tinh thần, thái độ học tập .Khuyến khích học sinh tìm hiểu các nội dung sắp tới

GV chốt: Thực vật đa dạng về môi trường sống, kích thước và số lượng loài

GV: Tuy thực vật đa dạng nhưng có thể phân chia thực vật thành những nhóm nào và tại sao lại phân chia chúng vào các nhóm đó chúng ta sẽ tìm sang phần II. Các nhóm thực vật.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu các nhóm thực vật**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được các nhóm thực vật

- Lấy được ví dụ về đại diện các ngành thực vật

- Trình bày được đặc điểm của các ngành thực vật

**b) Nội dung:**

- GV chiếu slide sơ đồ các nhóm thực Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- Chiếu hình ảnh về 4 nhóm TV: Rêu, dương xỉ, hạt trần và hạt kín🡪 yêu cầu HS hoạt động nhóm

- Yêu cầu HS di chuyển nhóm mới🡪 chia sẻ thông tin

- Chơi trò chơi hoàn thiện đặc điểm các nhóm thực vật

**c) Sản phẩm:**

- Bài trình bày và câu trả lời của nhóm HS: Đặc điểm của các nhóm thực vật

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Rêu | Dương Xỉ | Hạt Trần | Hạt Kín |
| Đại diện | Rêu | Dương xỉ, cỏ bợ, bèo ong.. | Thông, vạn tuế.. | Bưởi, cam chanh… |
| Môi trường sống | ở cạn, nơi ẩm, ít ánh sáng | Chỗ ẩm và mát | Nhiều nơi trên cạn | Sống ở nhiều môi trường khác nhau |
| ĐĐ cơ quan sinh dưỡng | Rễ giả, thân lá chưa có mạch dẫn, cơ thể cao 1-2cm | Có rễ , thân ,lá thật, có mạch dẫn. Lá non đầu cuộn tròn.Thân hình trụ nằm ngang | Có rễ , thân ,lá thật,thân gỗ, lá nhỏ hình kim, hệ mạch phát triển. | Có rễ , thân ,lá thật,cơ quan sinh dưỡng, sinh sản đa dạng về hình thái |
| Cơ quá sinh sản | Túi bào tử | Túi Bào tử | Nón | Hoa và quả |
| Hình thức sinh sản | Bào tử | Bào tử | Hạt | Hạt |

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Chuyển giao nhiệm vụ (giáo viên giao, học sinh nhận):

+ Quan sát sơ đồ cho biết thực vật được chia thành những nhóm nào?

+ Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm trong thời gian 03phút (06 HS/nhóm) dựa vào thông tin sách giáo khoa; quan sát slide + hình 34.3; 34.4; 34.5; 4.6; 34.7 SGK trang 117,118 Hoàn thành PHT 2

(Lưu ý: trong mỗi nhóm các bạn sẽ được đánh số ngẫu nhiên từ 1🡪4)

Nhóm Rêu :Tìm hiểu ngành Rêu

Môi trường sống, đặc điểm cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản, hình thức sinh sản

Nhóm Dương Xỉ : Tìm hiểu ngành Dương Xỉ

Nhóm Hạt Trần : Tìm hiểu ngành Hạt trần

Nhóm Hạt Kín : Tìm hiểu ngành Hạt Kín

**+** Yêu cầu HS di chuyển về 4 nhóm mới là 1, 2, 3,4 (Lưu ý: HS trong các nhóm chuyên gia được đánh số 1 di chuyển về nhóm 1, có số 2 di chuyển về nhóm 2, có số 3 di chuyển về nhóm 3, có số 4 di chuyển về số 4)

+ Yêu cầu đại diện ở các nhóm chuyên gia chia sẻ về các thông tin mà nhóm chuyên gia vừa tìm hiểu được cho các bạn trong nhóm mới (4 phút)

+ Yêu cầu mỗi nhóm cử 2 thành viên lên tham gia trò chơi (2 phút):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Đội 1** | **Đội 2** | **Đội 3** | **Đội 4** |
| Ngành thực vật |  |  |  |  |
| Đặc điểm |  |  |  |  |

Bốc thăm để chọn ngành thực vật của nhóm mình, sau đó chọn các miếng ghép có sẵn các đặc điểm ghép vào ngành mà nhóm mình bốc thăm được.

**-** Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện nhiệm vụ, giáo viên theo dõi, hỗ trợ):

+ HS dựa vào thông tin SGK, hình trên slide và hình trong SGK🡪thảo luận theo nhóm hoàn thành PHT của nhóm mình

+ Di chuyển về các nhóm mới

+ Chia sẻ thông tin đã tìm hiểu được trong nhóm chuyên gia cho các thành viên trong nhóm mới

+ Cử thành viên tham gia trò chơi

+ Yêu cầu nhắc lại đặc điểm từng ngành sau đó trả lời câu hỏi tương ứng cho mỗi ngành:

? Ở những nơi khô hạn, có nắng chiếu trực tiếp thì rêu có thể sống được không ? Vì sao?

? Để tránh rêu mọc ở bờ tường, bậc thềm gây trơn trượt và mất thẩm mĩ thì chúng ta phải làm gì?

? Để phân biệt dương xỉ với các ngành thực vật khác người ta thường dựa vào đặc điểm nào?

? Vì sao thông được xếp vào ngành hạt trần? Thế nào là thực vật hạt kín?

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS chơi trò chơi hoàn thiện đặc điểm của từng nhóm thực vật

+ Vận dụng trả lời câu hỏi

. Không vì rêu có rễ giả hút nước nhưng chưa có mạch dẫn nên các chất sẽ khó vận chuyển lên phía trên, các chất sẽ được thẩm thấu qua tế bào nên lâu vì thế rêu không thể sống nơi khô hạn, có ánh nắng trực tiếp.

. Không để bờ tường, bậc thềm ẩm ướt

. Nhờ vào đặc điểm lá non đầu cuộn tròn

. Vì hạt thông nằm lộ trên các lá noãn hở

. Hạt kín là hạt được bảo bọc bảo vệ bởi thịt quả

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên nhận xét, đánh giá về tinh thần, thái độ học tập, tham gia thảo luận, chơi trò chơi. Cho điểm khuyến khích các nhóm

 **Hoạt động 2.3. Tìm hiểu: Vai trò của thực vật**

**a) Mục tiêu:**

– Trình bày được vai trò của thực vật đối với môi trường và vai trò của thực vật đối với động vật và con người.

- Xác được tầm quan trọng của thực vật để có các biện pháp bảo vệ thực vật

**b) Nội dung:**

- GV mô phỏng thí nghiệm. Yêu cầu trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm trong thời gian 02p hoàn thiện PHT 3

- Yêu cầu trình bày phần chuẩn bị mà nhóm đã được giao nhiệm vụ từ bài trước

**c) Sản phẩm:**

Cân bằng khí oxi và cacbonic

Điều hoà khí hậu

Giảm ô nhiễm môi trường

Giữ đất, chống xói mòn

Góp phần hạn chế ngập lụt, hạn hán

Góp phần bảo vệ nguồn nước ngầm

Cung cấp oxi, thức ăn, nơi ở, nơi sinh sản cho động vật

Cung cấp lương thực, thực phẩm, đồ gỗ.. những cung gây hại đối với con người

**THỰC VẬT**

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Chuyển giao nhiệm vụ (giáo viên giao, học sinh nhận):

1. Vai trò của thực vật đối với môi trường

+ Yêu cầu HS quan sát hình 34.9 SGK/ 120 và theo dõi thí nghiệm 🡪 Thảo luận nhóm hoàn thành PHT 3

Thí ghiệm:

. Chậu A: có cây (Nơi có rừng)

Tạo cơn mưa giả bằng cách đổ cùng 1 lượng vào 2 chậu A, B.

( Có thể trồng cây đậu xanh với mật độ

tương đối dày trong vòng 1 tuần)

. Chậu B : Không có cây ( Đồi trọc)

🡪Nhận xét màu sắc nước và lượng nước chảy ra từ 2 chậu cây

🡪Giải thích vì sao lại thu được kết quả như vậy.

+ Chiếu đáp án🡪 yêu cầu các nhóm trao đổi phiếu chéo, dựa vào đáp án chấm điểm cho nhóm bạn.

+ Yêu cầu HS dựa vào đáp án PHT trả lời câu hỏi:

? Thí nghiệm đã chứng minh thực vật có vai trò gì?

+ Chiếu Video sạt lở đất : <https://youtu.be/rJgrJWrhMj0>

(sạt lở có thể xảy ra ở đồi trọc hoặc nhưng nơi đồi có cây nhưng còn nhỏ, thấp hệ rễ chưa phát triển)

? Ở các đồi trọc hi mưa lớn và kéo dài có thể xảy ra sạt lở đất.Vậy đất, đá.. sẽ bị trôi đi đâu và gây ra hậu quả gì?

+ Chiếu sơ đồ quá trình hình thành nguồn nước ngầm yêu cầu HS dựa vào đáp án PHT 3 so sánh lượng nước ngầm ở 2 nơi khu A( có rừng) và khu B ( Không có rừng)

+ Yêu cầu HS đọc thông tin SGK trang 119 và cho biết: Thực vật còn có vai trò gì đối với môi trường?

+ Chiếu sơ đồ sự trao khí yêu cầu hs : Quan sát sơ đồ cho biết các hoạt động hô hấp của sinh vật, hoạt động đốt cháy nhiên liệu đã lấy khí gì và thải ra môi trường khí gì? Nhờ đâu mà hàm lượng các khí đó được ổn định?

+ Chiếu hình ảnh thực vật còn có 1 số vai trò khác như: cây làm bóng mát,1 số cây có tác dụng diệt khuẩn như cây thông cây tràm, cây bạch dàn, 1 số cây trồng trong nhà không chỉ có tác dụng làm cảnh mà còn có tác dụng hút khí độc, diệt khuẩn

2. Vai trò của thực vật đối với động vật và con người

+ Yêu cầu đại diện nhóm 1,2: tìm hiểu về vai trò của thực vật đối với động vật

Nhóm 3,4: tìm hiểu về vai trò của thực vật đối với con người( đã chuẩn bị trước ở nhà

**-** Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện nhiệm vụ, giáo viên theo dõi, hỗ trợ):

+ Học sinh quan sát hình và theo dõi thí nghiệm🡪thảo luận nhóm hoàn thành PHT 3

+ Trao đổi phiếu nhóm 🡪 chấm chéo

+ Đựa vào đáp án PHT trả lời các câu hỏi.(có thể trả lời như sau:)

+ Các nhóm tìm hiểu vai trò của thực vật đối với động vật và con người ở nhà

- Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận):

+ Báo cáo kết quả chấm chéo của các nhóm

+ Vận dụng trả lời các câu hỏi.

. Thí nghiệm chứng minh thực vật giúp giữ đất, chống xói mòn nhờ tán lá cản bớt sức chảy của dòng nước, hệ rễ giữ đất

. Sạt lở đất dẫn đến ngập lụt , hạn hán

. Khu A có rừng sẽ có nước nước ngầm nhiều hơn

. Thực vật còn giúp cân bằng khí oxi và cacbonic, điều hoà khí hậu, bảo vệ môi trường

+ Đại diện 1 nhóm báo cáo về vai trò của thực vật đối với động vật, 1 nhóm báo cáo vai trò của động vật đối với con người

+ Nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung

- Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét, đánh giá về tinh thần, thái độ học tập, tham gia thảo luận, chơi trò chơi. Cho điểm khuyến khích các nhóm .Chốt vai trò của thực vật trên sơ đồ.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

Củng cố cho HS kiến thức về các nhóm thực vật và vai trò của thực vật

**b) Nội dung:**

Câu hỏi, bài tập GV giao cho học sinh thực hiện:

Câu 1. Nhóm TV nào sau đây có đặc điểm có mạch, có hạt, không có hoa?

A. Rêu B. Dương xỉ C. Hạt trần D. Hạt kín

Câu 2. Cho các từ: Rễ, ngọn, thân, mạch dẫn, lá, túi bào tử, bào tử. Sử dụng các từ đã cho để hoàn thành đoạn thông tin sau:

Cây rêu gồm có: (1)............(2), chưa có (3).............chính thức. Trong thân và lá rêu chưa có (4)............................ Rêu sinh sản bằng (5)...............được chứa trong (6)......................, cơ quan này nằm ở (7)....................cây rêu.

Câu 3. Cho sơ đồ sau:



a. Lựa chọn các sinh vật phù hợp với các số trong sơ đồ trên (lưu ý: sinh vật số 1 là thực vật và viết 3 sơ đồ)

b. Từ sơ đồ trên, cho biết vai trò của thực vật

**c) Sản phẩm:**

Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập do học sinh thực hiện. Kết quả tìm ra đội chiến thắng (Đội trả lời đúng và nhanh nhất =>Điểm cao nhất)

Có thể trả lời như sau:

Câu 1. C

Câu 2.

1. thân. 2- lá, 3- rễ, 4- mạch dẫn, 5- bào tử, 6- túi bào tử, 7- ngọn

Câu 3

Cỏ🡪 châu chấu🡪gà🡪 con người…

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV chia lớp thành 4 nhóm (4 đội), sử dụng phần mềm gameshow để HS tham gia trả lời theo nhóm, trực tuyến.

GV giới thiệu số lượng câu hỏi, luật chơi và hướng dẫn, hỗ trợ học sinh thực hiện. GV, HS cùng được tham gia đánh giá kết quả thực hiện. Phần mềm tự động chấm điểm dựa trên câu trả lời đúng của nhóm HS.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

Vận dụng kiến thức về các nhóm TV, vai trò của TV, kĩ năng sử dụng dụng cụ và chăm sóc cây vào thực tiễn đời sống.

Phát huy năng lực tự học, tự chủ của HS/nhóm HS trong tìm kiến, thu thập thông tin trên internet, kinh nghiệm từ người thân, ...lập kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ GV giao.

**b) Nội dung:**

GV yêu cầu học sinh lựa chọn loài thực vật có ích (cây rau, cây gia vị, cây hoa...trong hộp xốp hoặc thủy canh....), sử dụng dụng cụ để trồng và chăm sóc cây tại nhà (Nộp báo cáo sau 1-2 tuần).

**c) Sản phẩm:**

HS báo cáo sản phẩm (chụp hình, quay video trình bày trên slides....) về cây được trồng và chăm sóc của nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Giao về nhà cho các nhóm (06 học sinh) thực hiện ngoài giờ lên lớp. Nộp báo cáo sau 1-2 tuần. Tổ chức cho các nhóm HS báo cáo, trao đổi, chia sẻ trước lớp. HS nhóm khác và GV tham gia đánh giá theo tiêu chí GV cùng các nhóm HS đã thống nhất trước đó.

**PHỤ LỤC**

Đáp án PHT1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên thực vật | Môi trường sống | Kích thước |
| Bèo tấm | Dưới nước | Nhỏ |
| Nong tằm | Dưới nước | To |
| Babap | Trên cạn | To |
| Cây cọ | Trên cạn | Trung bình |
| Xương rồng | Trên cạn(nơi khô hạn) | Trung bình |
| Cây Đước | Dưới nước (vùng ngập mặn) | Trung bình |

Đáp án PHT 2

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Rêu | Dương Xỉ | Hạt Trần | Hạt Kín |
| Đại diện | Rêu | Dương xỉ, cỏ bợ, bèo ong.. | Thông, vạn tuế.. | Bưởi, cam chanh… |
| Môi trường sống | ở cạn, nơi ẩm, ít ánh sáng | Chỗ ẩm và mát | Nhiều nơi trên cạn | Sống ở nhiều môi trường khác nhau |
| ĐĐ cơ quan sinh dưỡng | Rễ giả, thân lá chưa có mạch dẫn, cơ thể cao 1-2cm | Có rễ , thân ,lá thật, có mạch dẫn. Lá non đầu cuộn tròn.Thân hình trụ nằm ngang | Có rễ , thân ,lá thật,thân gỗ, lá nhỏ hình kim, hệ mạch phát triển. | Có rễ , thân ,lá thật,cơ quan sinh dưỡng, sinh sản đa dạng về hình thái |
| Cơ quá sinh sản | Túi bào tử | Túi Bào tử | Nón | Hoa |
| Hình thức sinh sản | Bào tử | Bào tử | Hạt | Hạt |

Đáp án PHT 3

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đặc điểm | Khu vực A( có rừng) | Khu vực B (không có rừng |
| Phân bố cây xanh | Có nhiều, phân tầng | Chỉ là các cây bụi |
| Lượng chảy của dòng nước | 0,6m3/s | 21m3/s |
| Khả năng giữ đất | Giữ được đất | Không giữ được đất |
| Khả năng giữ nước | Giữ được nước | Không giữ được nước |

**BÀI 35: THỰC HÀNH**

**QUAN SÁT VÀ PHÂN BIỆT MỘT SỐ NHÓM THỰC VẬT**

Môn học: Khoa học tự nhiên 6

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

* Quan sát và nếu được những đặc điểm cơ thể ở những mẫu vật quan sát
* Sắp xếp các mẫu vật vào những nhóm thực vật đã học.
* Phân biệt đưa ra dấu hiệu nhận biết về các nhóm thực vật

**2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ và tự học: Tự quan sát cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của các nhóm thực vật
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: cùng nhau làm thí nghiệm, thảo luận để rút ra kết luận
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân chia thành viên trong nhóm để tiến hành thực hành 1 cách nhanh chóng và hiệu quả

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

* Lấy được: tiêu bản lát cắt của rêu
* Nêu được cách tiến hành thí nghiệm
* Trình bày được đặc điểm điển hình của các nhóm thực vật quan sát
* Xác định được nhóm phân loại của các mẫu vật quan sát
* Thực hiện được các bước quan sát và tiến hành thực hành

**3. Phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

* Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về thực vật.
* Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ, thảo luận thực hiện thí nghiệm
* Trung thực, báo cáo chính xác, nhận xét khách quan kết quả thực hiện ,cẩn thận trong việc sử dụng các dụng cụ thí nghiệm

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

* Hình ảnh: Lá non và Ổ bào tử của dương xỉ, cành mang nón thông, cây và bộ phận của bí ngô
* Phiếu học tập: bảng thu hoạch cuối bài

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên cây | Tên ngành | Lí do |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

* Chuẩn bị: mỗi nhóm chuẩn bị mẫu vật:

+ Rêu tường

+ Dương xỉ (mẫu vật hoặc tranh ảnh)

+ Hình ảnh cây thông có đủ nón đực và cái

+ Quả bí ngô cắt dọc, hình ảnh cây bí ngô có hoa

(Hoặc 1 loại quả khác thuộc ngành hạt kín như: cam, bưởi,…)

 -Các dụng cụ thí nghiệm: Kính hiển vi, kính lúp, dao lam, nước cất, kim mũi mác, ống nhỏ giọt, lam kính, lamen

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập là quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật**

**a) Mục tiêu:**

 - Nêu rõ mục tiêu bài thực hành:

 + Hoạt động nhóm: cùng quan sát, thực hành và hoàn thành phiếu học tập chung:5đ

 + Cá nhân hoàn thành báo cáo thu hoạch: 5đ

-Giáo viên giao nhiệm vụ quan sát 4 mẫu vật, làm tiêu bản với cây rêu và hoàn thành phiếu học tập.

-Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b) Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c) Sản phẩm:**

HS hoàn thành chia nhóm

Học sinh quan sát và làm tiêu bản với các mẫu vật chuẩn bị

Hoàn thành phiếu học tập

**d) Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

- Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV nêu vấn đề: Xung quanh chúng ta có vô vàn những loài thực vật. Song chúng đều mang những đặc điểm giống nhau cơ bản nào đó để được phân chia vào các nhóm thực vật khác nhau. Nhiệm vụ của bài thực hành giúp các con có những kiến thức cơ bản nhất để phân biệt được những nhóm thực vật trong bài học và ngoài thực tế.

+ GV: Chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu bầu nhóm trưởng, thư ký của nhóm.

-Thực hiện nhiệm vụ học tập.

+ HS: Thành lập nhóm, bầu nhóm trưởng, thư ký của nhóm.

 Nhận phiếu học tập của cả nhóm.

- Báo cáo kết quả và thảo luận

+ Giáo viên mời các nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trước nhóm: bầu nhóm trưởng, thư kí.

-Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ Giáo viên nhận xét, đánh giá về tinh thần, thái độ học tập .

+ Khuyến khích học sinh tìm hiểu các nội dung sắp tới..

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1. Tiến hành thực hành**

1. **Mục tiêu:**
* Lấy tiêu bản của rêu 🡪 quan sát được rễ, thân, lá, vị trí của bào tử của rêu.
* Xác định được các bộ phận rễ, thân lá, nêu được đặc điểm của lá non.Tìm và chỉ ra vị trí ổ bào tử của dương xỉ hoặc quả bào tử của cây cỏ bợ.
* Chỉ ra đặc điểm hình thái của rễ, thân, lá và xác định được cơ quan sinh sản, vị trí của hạt thông
* Chỉ ra đặc điểm hình thái của rễ, thân, lá cây bí đỏ trên ảnh. Xác định được hoa đực, hoa cái, vị trí của hạt

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Lấy được tiêu bản rêu. Tìm, tách được các bộ phận quan trọng để phân biệt các mẫu vật.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn 4 nhóm quan sát lần lượt 4 mẫu vật

Nhóm 1: Quan sát cây rêu

+ Tách 1 cây rêu ở mẫu vật thật sau đó dùng lính lúp quan sát chỉ ra các bộ phận cơ quan sinh dưỡng (rễ, thân, lá). Quan sát thân cây rêu có phân nhánh không?

+ Dùng dao cắt 1 lắt mảng ngang thân cây rêu quan sát trên kính hiển vi ở vật kính 10x và 40x để xem thân có mạch dẫn không?

Nhóm 2: Quan sát cây dương xỉ

+ Quan sát trên mẫu vật thật và tranh ảnh để tìm rễ, thân, lá, xác định vị trí bào tử, đặc điểm của lá non

Nhóm 3: Quan sát cây thông

+ Quan sát rễ, thân, lá (dạng thân, dạng lá, kích thước)

+ Xác định cấu tạo và vị trí nón đực, nón cái, quan sát vị trí của hạt thông.

Nhóm 4: Quan sát cây bí đỏ

+ Quan sát dạng thân, rễ, lá của cây bí đỏ qua tranh hình.

+ Xác định vị trí của hạt bên trong hay bên ngoài quả.

- Thực hiện nhiệm vụ học tập

+ Các nhóm thảo luận thực hiện nhiệm vụ của nhóm mình

+ Nhóm trưởng tổng hợp, thư kí ghi lại sản phẩm của nhóm mình vào bảng phụ

+ Trong bảng phụ đảm bảo các nội dung: hình ảnh cây có chú thích cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản, cụ thể:

Nhóm 1: chỉ rõ rễ, thân , lá, bào tử, lát cắt ngang thân rêu không có mạch dẫn

Nhóm 2: chỉ rõ rễ, thân , lá,vị trí bào tử, hình ảnh lá non đầu cuộn tròn

Nhóm 3: chỉ rõ rễ, thân, lá, nón đực, nón cái, nêu được vị trí của hạt thông

Nhóm 4: chỉ rõ rễ, thân, lá, hoa đực, hoa cái, vị trí của hạt

+ GV quan sát, hỗ trợ học sinh

- Báo cáo kết quả và thảo luận

GV yêu cầu đại diện các nhóm lên báo cáo, các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung

+ Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS đánh giá theo vòng tròn: nhóm 1 đánh giá nhóm 2, nhóm 2 đánh giá nhóm 3, nhóm 3 đánh giá nhóm 4, nhóm 4 đánh giá nhóm 1.

- GV đánh giá tinh thần, thái độ học tập của HS và đánh giá kết quả của các nhóm

**Hoạt động 2.2. Thu hoạch.**

**a. Mục tiêu:**

- Sắp xếp các mẫu vật quan sát vào từng nhóm phân loại phù hợp.

- Hoàn thành phiếu học tập.

- Nêu dấu hiệu nhận biết các đại diện ngành thực vật qua đặc điểm hình thái.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa hoàn thành phiếu học tập.

**c) Sản phẩm:** Hoàn thành phiếu học tập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên cây | Tên ngành | Lí do |
| Cây rêu | Ngành rêu | Thân không phân nhánh, rễ giả, chưa có mạch dẫn |
| Cây dương xỉ | Ngành dưong xỉ | Đã có rễ, thân lá thật, có mạch dẫn, lá non cuộn lại ở đầu |
| Cây thông | Ngành hạt trần | Có rễ, thân, lá. Thân phân nhánh, lá kim, hạt nằm lộ phía bên ngoài |
| Cây bí đao | Ngành hạt kín | Có rễ, thân, lá đầy đủ, cơ quan sinh sản là hoa, hạt nằm trong quả. |

Học sinh nếu được dấu hiệu nhận biết các đại diện một số ngành thực vật qua đặc điểm hình thái.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Chuyển giao nhiệm vụ học tập

+ GV yêu cầu nhóm HS: Hãy sắp xếp các mẫu vật đã quan sát vào vị trí phân loại thực vật cho phù hợp và giải thích vì sao? (Theo bảng sau)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên cây | Tên ngành | Lí do |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

+ Chiếu đáp án: ở mục sản phẩm

+ Yêu cầu HS từ phiếu học tập nêu dấu hiệu nhận biết một số đại diện các ngành thực vật thông qua đặc điểm hình thái.

- Thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS thảo luận trong nhóm, hoàn thành phiếu học tập

+ Các nhóm trao đổi phiếu chéo cho nhau: 1🡪2, 2🡪1, 3🡪4, 4🡪3, Dựa vào đáp án chấm điểm cho nhóm bạn

+ Dựa vào PHT rút ra dấu hiệu nhận biết các nhóm thực vật

+ GV quan sát, hỗ trợ học sinh

- Báo cáo kết quả và thảo luận

+ Báo cáo kết quả (điểm của các nhóm)

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV đánh giá tinh thần, thái độ học tập của HS và đánh giá kết quả chung của các nhóm trong cả tiết học

**3. Hoạt động 3. Luyện tập**

 **a) Mục tiêu**

- HS phân biệt các nhóm thực vật từ các mẫu vật.

**-**  HS viết được bản báo cáo thực hành.

**b) Nội dung:** HS căn cứ vào kiến thức và mẫu thu thập được để làm bài thực hành.

**c) Sản phẩm:** Bài thực hành của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

- Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS viết báo cáo thực hành

1- Chuẩn bị

2- Tiến hành

3- Thu hoạch

+ Mỗi HS hoàn thành phiếu học tập vào giấy của cá nhân

+ Bảng quan sát 2-4 cây tự nhiên (sẽ hướng dẫn ở mục vận dụng)

- Thực hiện nhiệm vụ

+ HS hoàn thành bài thực hành cá nhân

- Báo cáo kết quả học tập và thảo luận:

+ HS hoàn thành báo cáo thực hành (tiết sau nộp)

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ Bài thực hành cá nhân: 5 điểm

+ Hoạt động nhóm trên lớp: 5 điểm (chấm luôn trên lớp)

**4. Hoạt động 4. Vận dụng**

**a) Mục tiêu**:

-HS quan sát thêm 1 số cây trong tự nhiên, dựa vào đặc điểm hình thái để sắp xếp chúng vào 1 trong 4 nhóm thực vật đã tìm hiểu.

- Hình thành ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường

**b) Nội dung**:

**c) Sản phẩm:** bảng quan sát 2-4 cây nộp cùng trong bài thu hoạch cá nhân

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cây** | **Nhóm thực vật** |
| 1 | Cây cam | Hạt kín |
| 2 | Cây bàng | Hạt kín |
| 3 | Cây lúa | Hạt kín |
| … | … | … |

**d) Tổ chức thực hiện**

- Chuyển giao nhiệm vụ

+ GV yêu cầu HS nêu ví dụ và sắp xếp theo nhóm thực vật

- Thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện nhiệm vụ

- Báo cáo kết quả học tập và thảo luận

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ Giáo viên nhận xét những ví dụ của học sinh đưa ra

+ Yêu cầu HS hoàn thành bảng cùng với phiếu học tập ở bài thực hành cá nhân.

+ GV tuyên dương cá nhân, nhóm tích cực, nghiêm túc; phê bình cá nhân, nhóm chưa nghiêm túc trong giờ thực hành rút kinh nghiệm trong các tiết thực hành sau.

**BÀI 36: ĐỘNG VẬT**

Môn học: KHTN - Lớp: 6

Thời gian thực hiện: … tiết

**I. Mục tiêu**

1. **Kiến thức:**
* Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ.
* Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.
* Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.
* Liên hệ thực tiễn, liệt kê được vai trò và tác hại của động vật trong đời sống và cho ví dụ minh họa.
1. **Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát mẫu vật, hình ảnh hình thái để nhận biết các nhóm động vật có xương sống và không xương sống.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra các đặc điểm cấu tạo nổi bật của các nhóm động vật.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống, đưa ra được giải pháp hạn chế tác hại của động vật, thiết kế được sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức bài học.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

* Tổng hợp, khái quát hóa được đặc điểm chung của động vật.
* Lấy được ví dụ về một số con vật điển hình cho các nhóm động vật.
* Quan sát thế giới, chỉ ra được các vai trò và tác hại của động vật đối với con người và tự nhiên.
1. **Phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

* Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân tìm hiểu về các nhóm động vật.
* Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, phân chia nhiệm vụ và chủ động thực hiện, hỗ trợ, góp ý cho các thành viên trong nhóm.
* Cẩn thận, tỉ mỉ quan sát mẫu vật, mô hình, hình ảnh hình thái để phát hiện các đặc điểm nổi bật của các nhóm động vật.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

* Hình ảnh, mẫu vật, mô hình các đại diện các loài thuộc các nhóm động vật. (Chuẩn bị đủ 4 bộ hình ảnh cho 4 nhóm)
* Phiếu học tập Động vật, phiếu học tập Động vật có xương sống, phiếu học tập Động vật không xương sống, phiếu học tập Bảng tổng kết các nhóm động vật.
* Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: Tìm kiếm thông tin về vai trò hoặc tác hại của động vật đối với đời sống. Trình bày bằng powerpoint, poster, inforgraphic…

**III. Tiến trình dạy học**

1. **Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập là nhận biết được động vật từ các đặc điểm nhận biết đặc trưng.**
2. **Mục tiêu:** Học sinh nhận biết được các loài động vật trong tự nhiên.
3. **Nội dung:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân trên phiếu học tập để kiểm tra kiến thức nền của học sinh về động vật: Học sinh quan sát hình ảnh một số loài sinh vật và xác định các loài động vật. Giải thích lí do.
4. **Sản phẩm:**
* Học sinh yêu cầu nêu được đáp án: Tất cả các loài (Giun đất, Hải quỳ, Ếch, Cá mập, Chim cánh cụt, San hô, Tinh tinh, Trùng roi, Lạc đà) đều là động vật.
1. **Tổ chức thực hiện:**

- GV phát phiếu học tập và yêu cầu học sinh thực hiện cá nhân theo yêu cầu viết trên phiếu.

- GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án, mỗi HS trình bày 1 nội dung trong phiếu, những HS trình bày sau không trùng nội dung với HS trình bày trước. GV liệt kê đáp án của HS trên bảng.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về đa dạng động vật.**

1. **Mục tiêu:**
* Học sinh chỉ ra được sự đa dạng động vật được thể hiện qua số lượng loài, và môi trường sống của chúng.
* Học sinh nêu được đặc điểm chung của động vật từ đó nhận biết được động vật trong tự nhiên.
1. **Nội dung:**

- Học sinh tìm kiếm thông tin sách giáo khoa giải thích đa dạng động vật, đặc điểm chung của động vật.

1. **Sản phẩm:** Đáp án của HS, có thể:

- Đa đạng động vật được thể hiện:

+ Số lượng loài: có khoảng hơn 1,5 triệu loài động vật đã được xác định, mô tả và định tên.

+ Môi trường sống đa dạng: dưới nước, trên cạn, trong đất, trong cơ thể sinh vật khác

……

- Đặc điểm chung của động vật: sinh vật đa bào nhân thực, dị dưỡng, tế bào không có thành tế bào, hầu hết có khả năng di chuyển.

1. **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ học tập cá nhân: tìm kiếm thông tin sách giáo khoa mục I trang149, trả lời câu hỏi: Đa dạng động vật được thể hiện như thế nào?

Nêu đặc điểm chung của động vật phân biệt với các loài sinh vật khác?

GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có).

GV nhận xét và chốt nội dung về đa dạng động vật và đặc điểm chung của động vật.

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về các nhóm động vật:**

1. **Mục tiêu:**
* Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.
* Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.
1. **Nội dung:**

**-** HS đọc nội dung SGK và kết hợp hoạt động nhóm để hoàn thiện phiếu học tập Động vật có xương sống và động vật không có xương sống.

**-** Hoàn thành bảng tổng kết các nhóm động vật.

1. **Sản phẩm:**
* Đáp án phiếu học tập Động vật không xương sống và Động vật có xương sống.
* Đáp án bảng tổng kết các nhóm động vật.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhóm động vật** | **Đặc điểm nhận biết** | **Đại diện** |
| ***Động vật không xương sống*** | *Ngành Ruột khoang* | Cơ thể đối xứng tỏa tròn, khoang cơ thể thông ra bên ngoài qua lỗ miệng | Thủy tức, sứa, hải quỳ… |
| *Ngành Giun dẹp* | Cơ thể dẹp,Đối xứng 2 bên | Sán lá gan, sán dây… |
| *Ngành Giun tròn* | Cơ thể hình trụ, hầu hết kích thước bé | Giun kim, giun đũa… |
| *Ngành Giun đốt* | Cơ thể phân đốt | Giun đất, rươi… |
| *Ngành Thân mềm* | Cơ thể rất mềm, thường được bao bọc bởi lớp vỏ cứng bên ngoài | Trai, ốc, mực, bạch tuộc… |
| *Ngành Chân khớp* | Phần phụ phân đốt, nối với nhau bằng khớp động | Tôm, rết, nhện, châu chấu… |
| ***Động vật có xương sống*** | *Lớp Cá* | Thân hình thoi, dẹp 2 bên,Hô hấp bằng mang | Cá mập, cá chép, cá mè… |
| *Lớp Lưỡng cư* | Phát triển qua biến thái:Giai đoạn ấu trùng phát triển trong nước, hô hấp bằng mang, giai đoạn trưởng thành sống trên cạn, hô hấp bằng da và phổi. | Cóc nhà, ếch đồng,… |
| *Lớp Bò sát* | Hô hấp bằng phổi, vảy sừng che phủ | Rùa, thằn lằn, cá sấu… |
| *Lớp Chim* | Lông vũ bao phủ, chi trước biến đổi thành cánh, hô hấp bằng phổi, hệ thống túi khí phát triển | Chim bồ câu, vịt trời, … |
| *Lớp Thú* | Lông mao bao phủ cơ thể,Đẻ con, nuôi con bằng sữa tiết ra từ tuyến vú | Thỏ, bò, voi, lợn,… |

1. **Tổ chức thực hiện:**

**-** Giao nhiệm vụ học tập:

Hoạt động nhóm (10 thành viên/nhóm): mỗi nhóm được phát các tư liệu hình ảnh các loài vật đại diện cho các nhóm động vật.

5 phút: 2 thành viên tìm hiểu 1 nhóm động vật về các thông tin: đặc điểm nhận biết, đại diện các nhóm, môi trường sống.

5 phút: Tổng hợp kết quả - Hoàn thành sơ đồ tư duy

 **+** GV yêu cầu HS đọc SGK, nhận biết đại diện các nhóm động vật và hoàn thiện nhóm đôi phần bước 1 và hoàn thiện theo nhóm 10 HS phần bước 2 trong nội dung hiếu học tập.

**-** Thực hiện nhiệm vụ:

 **+** HS tìm tòi tài liệu, thảo luận và đi đến thống nhất về đặc điểm nhận biết và đại diện các nhóm động vật.

**-** Báo cáo, thảo luận: GV gọi ngẫu nhiên 1 nhóm trình bày trong Phiếu học tập, các nhóm còn lại theo dõi và nhận xét bổ sung (nếu có).

**-** Kết luận: GV nhận xét về kết quả hoạt đông của các nhóm. GV chốt đáp án phiếu học tập về đặc điểm nhận biết và đại diện các nhóm động vật.

**Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về vai trò và tác hại của động vật:**

1. **Mục tiêu:**
* Liên hệ thực tiễn, liệt kê được vai trò và tác hại của động vật trong đời sống và cho ví dụ minh họa.
1. **Nội dung:**

**-** HS thống nhất kết quả nhóm đã chuẩn bị tại nhà về vai trò hoặc tác hại của động vật.

Tham gia thử thách “The debaters” tranh luận về vai trò và tác hại của động vật đối với đời sống.

1. **Sản phẩm:**
* Học sinh liệt kê được vai trò và tác hại của động vật trong đời sống, cho ví dụ minh họa rõ ràng.
1. **Tổ chức thực hiện:**

**-** Giao nhiệm vụ học tập:

Hoạt động nhóm (Chia cả lớp thành 2 đội: Đội ủng hộ và đội Phản đối):

Chủ đề: Động vật mang lại lợi ích hay tác hại nhiều hơn đối với đời sống con người

và tự nhiên?

5 phút: các nhóm thống nhất kết quả đã chuẩn bị tại nhà về vai trò hoặc tác hại của động vật đối với đời sống.

**-** Thực hiện nhiệm vụ:

Giáo viên triển khai thử thách “The debaters”

**Luật chơi:**

Giám khảo là cô giáo và các học sinh.

Có hai đội tham gia - đội Ủng hộ và đội Phản đối, mỗi đội đại diện 3 thành viên.

Có tổng cộng 2 lượt tranh biện: Lượt tranh luận trong 2 phút và lượt phản hồi trong 2 phút.

Điểm lý luận ở lượt tranh luận là 10 điểm/giám khảo

Lượt phản hồi là 5 điểm/giám khảo.

**-** Báo cáo, thảo luận: GV tổ chức thử thách The debaters.

**-** Kết luận: GV nhận xét về kết quả hoạt đông của các nhóm. GV chốt đáp án:

Động vật mang lại lợi ích đồng thời cũng gây ra các tác hại đối với đời sồng con người và tự nhiên. Động vật là mắt xích quan trọng của chuỗi thức ăn trong tự nhiên, góp phần duy trì trạng thái cân bằng của hệ sinh thái. Con người cần phải chung sống hòa bình và bảo vệ tất cả các loài động vật.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

1. **Mục tiêu:** Hệ thống được một số kiến thức đã học.
2. **Nội dung:**

- HS thực hiện cá nhân phần “Con học được trong giờ học” trên phiếu học tập KWL.

- HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.

1. **Sản phẩm:**

- HS trình bày quan điểm cá nhân về đáp án trên phiếu học tập KWL.

1. **Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân phần “Con học được trong giờ học” trên phiếu học tập KWL và tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy vào vở ghi.

- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

- Báo cáo: GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân.

- Kết luận: GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

1. **Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.
2. **Nội dung:** Tìm hiểu sự đa dạng các nhóm động vật đã học.
3. **Sản phẩm:** HS tạo được tập san chủ để: Đa dạng động vật ….. (một trong những nhóm động vật đã học)
4. **Tổ chức thực hiện:** Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

Hình thức:báo cáo bằng sơ đồ tư duy, poster, inforgraphic… (khuyến khích các hình ảnh minh họa, ý tưởng trình bày sáng tạo)

Làm việc cá nhân hoặc hoạt động nhóm: 2-4HS/nhóm

 Tiêu chí đánh giá Phụ lục 1.1

 Thời gian: nộp sản phẩm vào tiết học sau.

**Phụ lục 1.1. Tiêu chí chấm sản phẩm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Yêu cầu** | **Số điểm** |
| **1** | Nội dung | - Đầy đủ, ngắn gọn, chính xác (3 điểm).- Sắp xếp nội dung logic, sáng tạo (2 điểm). |   |
| **2** | Hình thức | - Bố cục khoa học, hợp lí (2 điểm).- Có cả kênh chữ và kênh hình (1 điểm).- Hình ảnh minh họa phù hợp, sinh động (1 điểm). |   |
| **3** | Ý thức học tập | - Hoàn thành đúng thời gian cho phép (1 điểm). |  |
| **Tổng điểm:** |  |

**BÀI 37: THỰC HÀNH: QUAN SÁT VÀ NHẬN BIẾT
MỘT SỐ NHÓM ĐỘNG VẬT NGOÀI THIÊN NHIÊN**

Môn học: KHTN - Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. Mục tiêu**

1. **Kiến thức:**
* Trình bày được các yêu cầu, nhiệm vụ, cách thức quan sát động vật ngoài thiên nhiên.
* Sử dụng được các dụng cụ hỗ trợ để quan sát, ghi chép kết quả quan sát (kính lúp, ống nhòm, máy ảnh).
* Tìm kiếm, quan sát, xác định và mô tả được các đặc điểm về môi trường sống, màu sắc, hình dạng, sự di chuyển, đặc điểm đặc trưng của một số loài động vật có trong khu vực quan sát.

- Phân tích, khái quát được kết quả quan sát thể hiện trong báo cáo thu hoạch.

- Trình bày, giới thiệu được kết quả thực hành và tham gia đánh giá được kết quả học tập của các nhóm bạn.

- Đề xuất được các biện pháp chủ yếu giúp bảo vệ sự đa dạng động vật tại khu vực quan sát.

1. **Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ và tự học: đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, chủ động theo dõi sự hướng dẫn của GV để xác định rõ yêu cầu, các nhiệm vụ, cách thức quan sát động vật ngoài thiên nhiên; tự chuẩn bị được trang phục phù hợp (giày, dép, mũ, áo phù hợp,…), chủ động thực hiện nhiệm vụ quan sát và thảo luận nhóm.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra cách thức quan sát; trao đổi kết quả quan sát, rút ra nhận xét và hoàn thiện báo cáo thu hoạch; lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ phù hợp, khích lệ khi nhận xét, đánh giá kết quả học tập của các nhóm bạn.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thực hiện quan sát và mô tả được đặc điểm của một số động vật trong khu vực quan sát, tăng cường khả năng quan sát tìm hiểu động vật trong tự nhiên, đề xuất được biện pháp chủ yếu giúp bảo vệ động vật trong tự nhiên.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

* Nhận thức khoa học tự nhiên: trình bày được yêu cầu, nhiệm vụ, cách thức quan sát, mô tả được đặc điểm và hệ thống được các đặc điểm của các mẫu động vật quan sát.
* Tìm hiểu tự nhiên: thực hiện quan sát bằng mắt thường, sử dụng kính lúp, ống nhòm để quan sát động vật; ghi chép lại kết quả quan sát và chụp ảnh làm tư liệu về động vật và trình bày được kết quả quan sát thông qua báo cáo thu hoạch.
* Vận dụng kiến thức: tăng cường quan sát, tìm hiểu các loài động vật trong tự nhiên, chủ động tham gia góp phần bảo vệ động vật.
1. **Phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

* Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, tự giác thực hiện các nhiệm vụ học tập của cá nhân và phối hợp tích cực với các thành viên trong nhóm.
* Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả dựa theo quan sát.
* Yêu động vật, tích cực, chủ động bảo vệ môi trường sống của động vật và các loài động vật có ích.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

 - GV lựa chọn khu vực quan sát phù hợp, đảm bảo an toàn, có sự đa dạng động vật.

- Dụng cụ, thiết bị: ống nhòm, kính lúp, máy ảnh; vở, bút ghi chép; tài liệu nhận diện nhanh các động vật ngoài thiên nhiên (hình ảnh đại diện và một số đặc điểm nhận dạng của một số ngành, lớp Động vật HS đã được học- file PPT).

* Tư trang phù hợp với buổi học ngoài thiên nhiên (quần áo gọn gàng, giày dép phù hợp, mũ/nón,…).
* Phiếu Báo cáo thu hoạch.

- Phiếu Đánh giá kết quả hoạt động và báo cáo của nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

1. **Hoạt động 1: Xác định yêu cầu, nhiệm vụ, cách thức quan sát động vật, nội dung báo cáo thu hoạch tìm hiểu một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên.**
2. **Mục tiêu:**

-Trình bày được yêu cầu, nhiệm vụ, cách thức quan sát động vật.

- Xác định được những nội dung báo cáo thu hoạch trong tiết thực hành.

1. **Nội dung:**

- HS nghiên cứu tài liệu SGK, thảo luận nhóm, khái quát, xác định nhiệm vụ, cách thức quan sát, nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên.

- HS xác định rõ nội dung cần hoàn thiện khi quan sát (thể hiện trong báo cáo thu hoạch theo nhóm).

- HS ghi nhớ và thực hiện theo các yêu cầu để đảm bảo an toàn và hiệu quả cho tiết học.

1. **Sản phẩm:** Đáp án của HS, có thể:

- Học sinh xác định được nhiệm vụ, cách thức quan sát động vật:

+ Nội dung quan sát: môi trường sống, màu sắc, hình dạng, sự di chuyển, đặc điểm đặc trưng của một số loài động vật có trong khu vực quan sát.

+ Quan sát bằng mắt thường đối với những loài động vật ở gần, có kích thước đủ lớn.

+ Sử dụng kính lúp để quan sát những loài động vật có kích thước nhỏ và ống nhòm để quan sát những loài ở xa.

+ Ghi chép và sử dụng máy ảnh để chụp ảnh tư liệu về các động vật nhóm quan sát được.

+ Lưu ý thứ tự quan sát:

• B1: Quan sát động vật ở các khu vực khác nhau, xác định môi trường sống của chúng.

• B2: Quan sát các đặc điểm và hoạt động di chuyển của động vật:

\* Quan sát màu sắc, hình dạng, đặc điểm đặc trưng của các loài động vật (Sử dụng kính lúp, ống nhòm hỗ trợ). Quan sát sự di chuyển của các loài động vật, xác định được cách thức di chuyển của đại diện quan sát (Sử dụng kính lúp, ống nhòm hỗ trợ).

- Yêu cầu: Tuân thủ các quy định an toàn, nghiêm túc quan sát theo nhóm và ghi chép lại kết quả với các nội dung để hoàn thành bài thu hoạch.

- Thảo luận nhóm, hoàn thiện bản báo cáo thu hoạch (Phụ lục 1).

1. **Tổ chức thực hiện:**

- Tổ chức lớp học thành 4 nhóm.

- GV giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm: Nghiên cứu tài liệu SGK, thảo luận nhóm, nêu rõ nhiệm vụ, cách thức quan sát; phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

- HS thực hiện hoạt động học tập, thảo luận, thống nhất ý kiến, trình bày rõ nhiệm vụ, cách thức quan sát, ghi nhớ yêu cầu của tiết học.

- GV tổ chức thảo luận chung: gọi đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và nhấn mạnh cách quan sát, yêu cầu của tiết học, phát Phiếu báo cáo thu hoạch → HS hiểu rõ nhiệm vụ, cách thức quan sát và xác định được nội dung báo cáo thu hoạch.

1. **Hoạt động 2: Tiến hành quan sát, ghi chép kết quả và hoàn thiện báo cáo thu hoạch.**
2. **Mục tiêu:**

- Sử dụng được các dụng cụ hỗ trợ để quan sát, ghi chép kết quả quan sát (kính lúp, ống nhòm, máy ảnh).

* Tìm kiếm, quan sát, xác định và mô tả được các đặc điểm về môi trường sống, màu sắc, hình dạng, sự di chuyển, đặc điểm đặc trưng của một số loài động vật có trong khu vực quan sát.
1. **Nội dung:**

- HS theo nhóm: tiến hành quan sát, ghi lại đặc điểm quan sát.

- HS theo nhóm: tổng hợp kết quả quan sát, hoàn thiện báo cáo thu hoạch.

1. **Sản phẩm:**

- Kết quả quan sát, ghi chép, ảnh chụp của HS về động vật tại khu vực quan sát.

- Báo cáo thu hoạch.

1. **Tổ chức thực hiện:**

-GV giao nhiệm vụ học tập: thực hiện theo nhóm:

+ Quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm để tìm hiểu về một số nhóm động vật tại địa điểm quan sát.

+ Ghi lại kết quả quan sát, thảo luận, hoàn thiện nội dung Phiếu báo cáo thu hoạch.

-HS thực hiện nhiệm vụ (quan sát, ghi chép kết quả quan sát).

-Báo cáo, thảo luận: HS hoàn thiện báo cáo thu hoạch, chuẩn bị nội dung báo cáo trước lớp.

- Kết luận: GV nhận xét ý thức học tập của các nhóm, động viên HS, nêu rõ góp ý- rút kinh nghiệm (nếu cần).

1. **Hoạt động: Báo cáo, giới thiệu kết quả quan sát của các nhóm.**

**a) Mục tiêu:**

- HS giới thiệu, trình bày được kết quả quan sát của nhóm trước lớp.

**b) Nội dung:**

- Đại diện nhóm cử đại diện HS báo cáo, giới thiệu kết quả quan sát, tìm hiểu trước lớp dựa theo các nội dung trong Phiếu báo cáo thực hành.

**c) Sản phẩm:**

- Phiếu báo cáo thu hoạch đã hoàn thiện theo nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

-GV giao nhiệm vụ học tập: thực hiện theo nhóm:

+ Đại diện các nhóm báo cáo, giới thiệu kết quả thực hành quan sát của nhóm, nhóm khác theo dõi để cho ý kiến nhận xét.

+ Mỗi nhóm có tối đa: 4 phút thuyết trình.

-HS phân công nhiệm vụ báo cáo cho các thành viên trong nhóm.

-Báo cáo, thảo luận: HS thuyết trình, giới thiệu kết quả quan sát của nhóm; HS nhóm khác theo dõi, lắng nghe để nhận xét.

- Kết luận: GV nhấn mạnh: Trong một khu vực em có thể tìm được nhiều loài động vật cùng sinh sống. Thế giới động vật có sự đa dạng, phong phú và có rất nhiều vai trò đối với tự nhiên và đời sống con người. Vì vậy hãy chung tay bảo vệ các loài động vật, bảo vệ môi trường sống của chúng.

1. **Hoạt động: nhận xét, đánh giá kết quả thực hành của các nhóm và đề xuất biện pháp bảo vệ động vật tại khu vực quan sát.**

**a) Mục tiêu:**

- HS tham gia nhận xét, đánh giá được kết quả thực hành của nhóm mình và của các nhóm bạn theo các tiêu chí cụ thể (Phụ lục 2)→ HS hoàn thiện nội dung tiết thực hành, rút ra được kinh nghiệm để học tập hiệu quả hơn.

- HS đề xuất được các biện pháp chủ yếu giúp bảo vệ sự đa dạng của động vật tại khu vực quan sát.

**b) Nội dung:**

- Các nhóm nhận xét, đánh giá kết quả dựa theo Phiếu đánh giá.

- Từ kết quả nhận xét, HS rút ra được kinh nghiệm để tự điều chỉnh cách quan sát, cách học tập tìm hiểu ngoài thiên nhiên và hoạt động nhóm hiệu quả hơn.

- HS thảo luận, đề xuất các biện pháp chủ yếu giúp bảo vệ sự đa dạng của động vật tại khu vực quan sát.

**c) Sản phẩm:**

- Bài báo cáo thu hoạch đã được trình bày của các nhóm.

- Ý kiến đánh giá của HS được thể hiện trong Phiếu đánh giá.

- Các biện pháp bảo vệ sự sự đa dạng của động vật.

**d) Tổ chức thực hiện:**

-GV giao nhiệm vụ học tập: thực hiện theo nhóm:

+ Nhận xét, cho ý kiến đánh giá và thống nhất ý kiến đánh giá theo nhóm về kết quả thực hành của nhóm Em và các nhóm bạn theo bảng tiêu chí đánh giá.

 + Đề xuất được các biện pháp chủ yếu giúp bảo vệ sự đa dạng của động vật tại khu vực quan sát.

-HS theo nhóm thảo luận, thống nhất ý kiến đánh giá, đưa ra được một số biện pháp phù hợp.

-Báo cáo, thảo luận:

+ Đại diện nhóm nêu ý kiến tự đánh giá và nhận xét kết quả học tập của nhóm bạn, lắng nghe và rút kinh nghiệm.

+ HS nêu được các biện pháp phù hợp giúp bảo vệ động vật tại khu vực quan sát.

- Kết luận: GV nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm, động viên, khích lệ HS, rút kinh nghiệm cho HS về các thao tác, cách thức quan sát, hoạt động nhóm (nếu cần).

**PHỤ LỤC 1**

**BÁO CÁO THU HOẠCH**

**BÀI 37. THỰC HÀNH: QUAN SÁT VÀ NHẬN BIẾT
MỘT SỐ NHÓM ĐỘNG VẬT NGOÀI THIÊN NHIÊN**

Nhóm:........ Lớp:….

**1. Hoàn thành bảng thu hoạch theo mẫu sau:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên động vật quan sát được** | **Môi trường sống** | **Đặc điểm****(hình dạng, màu sắc, di chuyển…)** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Trả lời câu hỏi:**

2.1. Trong khu vực quan sát, nhóm động vật nào em gặp nhiều nhất? Nhóm nào gặp ít nhất? Nhận xét về hình dạng, kích thước, cơ quan di chuyển và cách di chuyển của các loài động vật quan sát được.

2.2. Nêu tên các động vật có ích cho cây, có hại cho cây mà em quan sát được.

2.3. Nhiều loài động vật có màu sắc trùng với màu của môi trường hoặc có hình dạng giống với vật nào đó trong môi trường. Hãy kể tên các động vật có những đặc điểm trên mà em quan sát được. Theo em, những đặc điểm này có lợi gì cho động vật?

**PHỤ LỤC 2**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO CỦA NHÓM**

Nhóm:......... Lớp:……

Hãy cho ý kiến đánh giá đã được thống nhất về kết quả học tập (kết quả quan sát, báo cáo) và ý thức học tập của nhóm Em và của các nhóm bạn trong tiết thực hành theo các tiêu chí dưới đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí/****Nội dung đánh giá** | **Mức độ đạt được** | **Rút kinh nghiệm****(Ghi ý kiến đóng góp)** |
| **Nhóm****Em** | **Nhóm****…** | **Nhóm****…** | **Nhóm****…** |
| **Số lượng động vật quan sát, giới thiệu được.** |  |  |  |  |  |
| Ghi rõ số lượng loài/ nhóm ĐV mà nhóm quan sát, giới thiệu được |
| **Thông tin giới thiệu có đủ theo yêu cầu:****+ Về môi trường sống.****+ Đặc điểm hình thái, cấu tạo.****+ Hoạt động di chuyển.** |  |  |  |  |  |
| Mức: Chưa đủ, tốt, rất tốt*Chưa đủ: < 5 loài ĐV; giới thiệu sơ sài.**Tốt: ≥ 5 loài ĐV; giới thiệu đủ, đúng đặc điểm cơ bản.**Rất tốt: ≥ 10 loài ĐV, thông tin giới thiệu được chắt lọc, đặc trưng.* |
| **Phần thuyết trình giới thiệu ngắn gọn, hấp dẫn.** |  |  |  |  |  |
| Mức: Tiếp tục cố gắng, tốt, rất tốt*Tiếp tục cố gắng: thuyết trình còn lộn xộn, chưa gọn, chưa rõ ý, quá thời gian,…**Tốt: thuyết trình to, rõ ý, logic, đúng thời gian,…**Rất tốt: đạt mức tốt + hấp dẫn, sáng tạo,..* |
| **Ý thức học tập và tinh thần làm việc nhóm** |  |  |  |  |  |
| Mức: Tiếp tục cố gắng, tốt, rất tốt*Căn cứ vào ý thức học tập của các cá nhân, tinh thần trách nhiệm, sự phối hợp giữa các thành viên,…* |

**BÀI 38: ĐA DẠNG SINH HỌC**

Môn học: KHTN - Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. Mục tiêu**

1. **Kiến thức:**
* Nêu được đặc điểm đặc đặc trưng thể hiện sự đa dạng sinh học
* Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên, trong thực tiễn và cho ví dụ.
* Tìm được nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả. Giải thích được lí do cần bảo vệ đa dạng sinh học.
* Liên hệ thực tiễn, đề xuất được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.
1. **Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát, nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên, trong thực tiễn và cho ví dụ.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học tạo sản phẩm khoa học giúp tuyên truyền cho người thân và bạn bè bảo vệ đa dạng sinh học.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

* Quan sát thế giới, chỉ ra được các vai trò của đa dạng sinh học đối với con người và tự nhiên và cho ví dụ.
* Nghiên cứu tài liệu, tổng hợp, khái quát hóa nguyên nhân và hậu quả của việc suy giảm đa dạng sinh học.

- Từ nguyên nhân và hậu quả gây ra suy giảm đa dạng sinh học, đề xuất được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

1. **Phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

* Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân tìm hiểu vai trò đa dạng sinh học, nguyên nhân và hậu quả gây suy giảm đa dạng sinh học.
* Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, phân chia nhiệm vụ và chủ động thực hiện, hỗ trợ, góp ý cho các thành viên trong nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- GV: Phiếu học tập Đa dạng sinh học.

* HS: SGK, Các nhóm (mỗi nhóm 10 HS) tìm kiếm thông tin và báo cáo sản phẩm:

+ Nhóm 1: Đóng vai nhà nhiếp ảnh gia – Kể chuyện bằng hình ảnh: Tìm hiểu về vai trò của đa dạng sinh học đối với tự nhiên và con người.

+ Nhóm 2: Đóng vai nhà sinh học – Báo cáo khoa học: Tìm hiểu nguyên nhân suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả.

+ Nhóm 3: Đóng vai nhà chính trị gia: tìm hiểu các biện pháp đã thực hiện ở Việt Nam và trên thế giới, từ đó đề xuất các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Khởi động:**

1. **Mục tiêu:** Học sinh hình thành những hiểu biết ban đầu về đa đạng sinh học

**b)** **Nội dung:** Học sinh tham gia trò chơi để kiểm tra kiến thức nền của học sinh về đa dạng sinh học:

Câu hỏi:

- Liệt kê các môi trường có số lượng lớn các loài sinh vật sinh sống?

- Liệt kê các loài sinh vật sống ở môi trường rừng mưa nhiệt đới?

- Liệt kê các loài sinh vật sống ở môi trường đại dương?

1. **Sản phẩm:**

HS có thể nêu được:

- Môi trường có số lượng lớn loài sinh vật sinh sống: rừng mưa nhiệt đới, đại dương, đồng bằng phù sa…

- Các loài sinh vật sống trong rừng mưa nhiệt đới: Báo đốm, con lười, cá heo sông, vẹt đuôi dài, trăn Nam Mỹ, ếch thủy tinh và ếch phi tiêu độc ...

- Các loài sinh vật sống ở môi trường đại dương: Cá mập, cá heo, mực, bạch tuộc, rùa biển, san hô, tảo, rêu, rong,…

1. **Tổ chức thực hiện:**

- Tổ chức trò chơi “Đấu trí”.

- GV hoặc HS làm quản trò điều hành trò chơi.

- Công bố luật chơi: Mỗi đội cử 3 bạn lên chơi trò chơi

+ Các đội bốc thăm tìm thứ tự chơi của mình.

+ Sau khi đưa ra câu hỏi, mỗi đội sẽ trả lời 1 đáp án, lần lượt và liên tục theo vòng.

+ Mỗi câu trả lời đúng được tính điểm.

+ Nếu đến lượt trả lời của mình mà không đưa ra được đáp án sẽ bị dừng lại, và phải chờ đến câu hỏi tiếp theo mới được tham gia.

- HS Tham gia trò chơi.

- GV tổng kết trao thưởng.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về đa dạng sinh học.**

1. **Mục tiêu:**

 Nêu được đặc điểm đặc đặc trưng thể hiện sự đa dạng sinh học, cho ví dụ.

1. **Nội dung:**

Học sinh tìm kiếm thông tin sách giáo khoa, từ trò chơi khởi động trả lời câu hỏi:

Đa dạng sinh học được thể hiện rõ nét nhất ở đặc điểm nào? Cho ví dụ.

1. **Sản phẩm:**

HS nêu được:

- Đa đạng sinh học được thể hiện rõ nét nhất ở số lượng loài động vật.

-VD: Rừng mưa nhiệt đới có rất nhiều loài động vật, thực vật sinh sống như hổ, báo, hươu nai, cú mèo, rắn, sóc, chuột, dương xỉ, dây leo, lim, lát, tre, trúc…

1. **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ học tập cá nhân: tìm kiếm thông tin sách giáo khoa mục I trang149, trả lời câu hỏi: Đa dạng sinh học được thể hiện rõ nét nhất ở đặc điểm nào?

- GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét và chốt nội dung về đặc điểm đặc trưng thể hiện sự đa dạng sinh học.

- GV mở rộng: Đa dạng sinh học biểu hiện rõ nét nhất về số lượng loài, ngoài ra đa dạng sinh học còn được thể hiện thông qua sự đa dạng về số lượng cá thể trong loài và môi trường sống. VD: Trên thế giới hiện có 2 triệu loài sinh vật trong đó có 1,5 triệu loài động vật và 500 loài thực vật, trong đó: loài vẹt có hơn 393 loài trên thế giới (*Theo Wikipedia*), …. Đa dạng về môi trường sống như sinh vật phân bố ở khắp mọi nơi trên TĐ như từ hoang mạc đến đài nguyên, đến sa mạc hay bắc cự lạnh giá, ngay trong cùng một môi trường sống chúng cũng phân bố ở những nơi khác nhau như: Môi trường sống đại dương những loài sống ven bờ, có những loài sống khơi xa có những loài sống nổi trên mặt nước, có những loài sống sâu dưới đáy đại dương…

VD2: Amazon là một trong những nơi đa dạng sinh học nhất trên trái đất.
Hơn 3 triệu loài sống trong rừng nhiệt đới và hơn 2.500 loài cây (hoặc một phần ba tổng số cây nhiệt đới tồn tại trên trái đất) (*Theo Greenpeace USA)*

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về vai trò của đa dạng sinh học đối với tự nhiên và con người, nguyên nhân suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả, từ đó đề xuất các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên, trong thực tiễn và cho ví dụ.

- Học sinh tìm được nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả. Giải thích được lí do cần bảo vệ đa dạng sinh học.

- Học sinh đề xuất được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

**b) Nội dung:**

**-** Học sinh thực hiện hoạt động theo kỹ thuật phòng tranh.

**-** Học sinh hoàn thành phiếu học tập tổng kết đa dạng sinh học.

**c) Sản phẩm:**

- Xem triển lãm tranh ảnh, thu thập thông tin vào phiếu học tập cá nhân.

- Các nhóm hoàn thành và trình bày nội dung phiếu học tập tổng kết đa dạng sinh học:

\* Vai trò của đa dạng sinh học:

Đối với tự nhiên:

+ Giúp duy trì và ổn định sự sống trên trái đất, các loài đều có mối quan hệ qua lại, khăng khít, hỗ trợ hay khống chế lẫn nhau.

Đối với con người:

+ Đảm bảo phát triển bền vững của con người thông qua việc cung cấp ổn định nguồn nước, lương thực, thực phẩm; tạo môi trường sống thuận lợi cho con người.

+ Giúp con người thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ …

\* Nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học:

+ Yếu tố tự nhiên: thiên tai: cháy rừng, sóng thần, lũ lụt ….

+ Yếu tố con người: khai thác bừa bãi, phá hoại môi trường …

\* Hậu quả suy giảm đa dạng sinh học:

+ Đối với con người: suy giảm nguồn lợi cung cấp cho con người.

+ Đối với tự nhiên: Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường,…

\* Biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học:

- Bảo vệ và trồng rừng.

- Nghiêm cấm các hành vi khai thác, mua bán, tiêu thụ sản phẩm từ các loài động, thực vật quý hiếm.

- Xây dựng các hệ thống khu bảo tồn.

- Tuyên tuyền mọi người cùng thực hiện.

…

**d) Tổ chức thực hiện:**

**-** Giao nhiệm vụ học tập:

\* Kỹ thuật mảnh ghép:

+ GV yêu cầu các nhóm treo sản phẩm đã chuẩn bị ở lên 3 vị trí trong lớp.

+ Học sinh trong 1 nhóm tự đánh số từ 1 đến 3. Nếu thừa HS thì đánh số lại từ 1.

+ Học sinh có số giống nhau sẽ tập hợp thành nhóm mới (nhóm 1, 2, 3).

**-** Thực hiện nhiệm vụ:

+ Mỗi nhóm về vị trí 1 sản phẩm: Nhóm 1 về vị trí sản phẩm A, Nhóm 2 về vị trí sản phẩm B, Nhóm 3 về vị trí sản phẩm C.

+ Thành viên của nhóm có sản phẩm thuyết trình về sản phẩm nhóm mình.

+ Sau 5 phút, các nhóm mới dịch chuyển vị trí theo vòng tròn: nhóm 1 đến vị trí sản phẩm B, nhóm 2 đến vị trí sản phẩm C, … Thành viên của nhóm có sản phẩm thuyết trình về sản phẩm nhóm mình (Tổng thời gian 15 phút)

+ HS về vị trí ngồi hoàn thiện sơ đồ tư duy trong phiếu học tập tổng kết kiến thức:

Yêu cầu:

Nội dung: đảm bảo đủ các phần: đặc điểm đặc trưng, vai trò, nguyên nhân suy giảm và hậu quả, biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

Hình thức: cách trình bày sáng tạo tự do.

**-** Báo cáo, thảo luận: GV gọi ngẫu nhiên 1 học sinh trình bày trong Phiếu học tập tổng hợp kiến thức đã học, các nhóm còn lại theo dõi và nhận xét bổ sung (nếu có) (10 phút)

**-** Kết luận: GV nhận xét về kết quả hoạt đông của các nhóm. GV chốt đáp án phiếu học tập về đa dạng sinh học.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

1. **Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức đã học, chứng minh được sự đa dạng sinh học của một môi trường đại diện (vườn Quốc gia Cúc Phương), nêu được vai trò và những biện pháp cụ thể bảo vệ sự đa dạng sinh học tại môi trường đó.

1. **Nội dung:**

- HS đọc tài liệu, sách báo về vườn Quốc gia Cúc Phương ở Việt Nam (link bài báo: <https://bitly.com.vn/i3lyp0>), yêu cầu:

+ Hãy chứng minh sự đa dạng sinh học của vườn Quốc gia Cúc Phương.

+ Vai trò của sự đa dạng sinh học đó.

+ Để bảo vệ sự đa dạng sinh học tại vườn Quốc gia Cúc Phương, theo em phải làm như thế nào?

1. **Sản phẩm:**

- HS nêu được:

+ Sự đa dạng sinh học tại vườn Quốc gia Cúc Phương:

* Hơn 2.200 loài thực vật và rêu, sở hữu những cây đại thụ hàng trăm tuổi như chò, đăng, sấu… và một số loại rất hiếm như giống lan Vietorchis aurea Averyanov chỉ phân bố tại một khu vực rất hẹp tại đây.
* 122 loài bò sát, lưỡng cư, 135 loài thú và hơn 2.000 loài côn trùng.
* Khoảng 400 loài bướm khác như bướm phượng, bướm khế, hồ điệp…

+ Vai trò và biện pháp bảo vệ (dựa vào kiến thức đã học để nêu).

1. **Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS đọc tài liệu, sách báo về vườn Quốc gia Cúc Phương ở Việt Nam, yêu cầu:

+ Hãy chứng minh sự đa dạng sinh học của vườn Quốc gia Cúc Phương.

+ Vai trò của sự đa dạng sinh học đó.

+ Để bảo vệ sự đa dạng sinh học tại vườn Quốc gia Cúc Phương, theo em phải làm như thế nào?

- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

- Báo cáo: GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có).

- Kết luận: GV nhận xét và chốt nội dung về sự đa dạng sinh học của vườn Quốc gia Cúc Phương.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

1. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học tạo sản phẩm khoa học giúp tuyên truyền cho người thân và bạn bè bảo vệ đa dạng sinh học.
2. **Nội dung:** Học sinh tạo dự án tuyên truyền bảo vệ đa dạng sinh học.
3. **Sản phẩm:** HS làm dự án bảo vệ đa dạng sinh học: tạo sản phẩm handmade, buổi workshop, phỏng vấn ngắn, inforgraphic... tuyên truyền.
4. **Tổ chức thực hiện:** Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

Hình thức:tạo dự án, buổi workshop, phỏng vấn ngắn, tạo quỹ ủng hộ bảo vệ động vật hoang dã bằng cách bán các sản phẩm handmade…báo cáo bằng inforgraphic, powerpoint kết quả đạt được (khuyến khích các hình ảnh minh họa, ý tưởng trình bày sáng tạo, sản phẩm sáng tạo có nguyên liệu từ các vật liệu tái chế…)

Làm việc cá nhân hoặc hoạt động nhóm: 10HS/nhóm

Tiêu chí đánh giá Phụ lục 1.1

Thời gian: nộp sản phẩm vào tiết học sau.

**Phụ lục 1.1. Tiêu chí chấm sản phẩm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Yêu cầu** | **Số điểm** |
| **1** | Nội dung | - Ý nghĩa thực tiễn của sản phẩm (3 điểm).- Cách tổ chức triển khai sản phẩm (3 điểm). |   |
| **2** | Hình thức | - Sản phẩm rõ ràng, thể hiện được rõ ý nghĩa thực tiễn đề ra (3 điểm). |   |
| **3** | Ý thức học tập | - Hoàn thành đúng thời gian cho phép (1 điểm). |  |
| **Tổng điểm:** |  |

**Tài liệu này được chia sẻ tại: Group Thư Viện STEM-STEAM**

<https://www.facebook.com/groups/thuvienstem>

**CHƯƠNG VII: ĐA DẠNG THẾ GIỚI SỐNG**

**BÀI 39: TÌM HIỂU SINH VẬT NGOÀI THIÊN NHIÊN**

Môn học: KHTN - Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. Mục tiêu**

1. **Kiến thức:**
* Củng cố lại kiến thức về đa dạng sinh học thực vật và động vật.
* Chứng minh được những đặc điểm thích nghi của thực vật và động vật với môi trường mà chúng tồn tại.
* Sử dụng khóa lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.
* Nêu được tên và cách sử dụng các dụng cụ thực hành tham quan thiên nhiên chủ yếu
1. **Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ và tự học:

+ Học sinh tự tìm hiểu thiên nhiên, sự vật xung quanh và phân tích các tình huống thực tế để giải quyết nhiệm vụ học tập

+ Học sinh tìm hiểu cách sử dụng dụng cụ nghiên cứu để hoàn thành nhiệm vụ học tập tại địa điểm thực hành.

* Năng lực giao tiếp và hợp tác:

+ Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

+ Học sinh phân công nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.

* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: học sinh đưa ra phương án giải quyết cho nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập của nhóm sao cho phù hợp.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

 Xác định được các đặc điểm cấu tạo của cơ thể sinh vật giúp chúng thích nghi với điều kiện môi trường đồng thời xếp loại chúng vào các nhóm sinh vật đã học.

1. **Phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

* Chăm học: chịu khó tìm hiểu các thông tin trong các nguồn tham khảo cũng như các thông tin thông qua việc trực tiếp quan sát mẫu vật là các cơ thể sống khác nhau.
* Có trách nhiệm trong các hoạt động học tập: thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học tập mà Giáo viên giao phó hoặc thực hiện các hoạt động học tập được phân công khi tham gia hoạt động nhóm.
* Trung thực, cẩn thận trong quá trình học tập, trong quá trình hoạt động nhóm.
* Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ các loài sinh vật sống quanh mình góp phần bảo vệ đa dạng sinh học.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

* Video : Đoạn phim giới thiệu chung về vườn Bách Thảo
* Phiếu học tập : phiếu học tập cho 3 nhóm học sinh

+ Phiếu số 1: Các nhiệm vụ điều tra đa dạng sinh học thực vật trong vườn Bách Thảo

+ Phiếu số 2: Các nhiệm vụ điều tra đa dạng sinh học động vật trong vườn Bách Thảo

+ Phiếu số 3: Các nhiệm vụ điều tra môi trường và đa dạng sinh học các loài sinh vật trong vườn Bách Thảo.

* Dụng cụ thực hành: Máy ảnh, kính lúp, vợt lưới, kẹp panh, ống nhòm, sổ ghi chép, bút chì, lọ đựng mẫu, nhãn dán mẫu,…

**III. Tiến trình dạy học**

1. **Hoạt động 1: Khởi động**
2. **Mục tiêu:**

**-** Giúp học sinh hứng thú hơn trước khi vào bài.

- Xác đinh được nội dung trọng tâm của bài học

1. **Nội dung:** Học sinh tham gia trò chơi “Bắt sâu”

Thể lệ trò chơi:

- Có 6 đội chơi, mỗi đội là 1 cặp gồm 1 bạn nam và 1 bạn nữ

- Trên áo của bạn nam có đính nhiều mô hình sâu bằng giấy, bạn nữ sử dụng băng dính 2 mặt để nhặt sâu. Trong thời gian 3 phút, đội nào nhặt được nhiều sâu nhất thì đội đó giành chiến thắng.

1. **Sản phẩm:**
* Kết quả trò chơi của học sinh, đội giành chiến thắng sẽ nhận được phần quà.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chọn 6 cặp học sinh tham gia trò chơi và hướng dẫn luật chơi

- Học sinh đăng kí tham gia trò chơi.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia trò chơi, các HS khác làm trọng tài và theo dõi quá trình các cặp học sinh chơi.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các nhóm HS báo cáo kết quả số lượng sâu đã bắt được của nhóm mình

- Xác định cặp học sinh giành chiến thắng.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét quá trình tham gia chơi của các cặp học sinh và trao quà cho cặp học sinh giành chiến thắng.

- GV nối vào bài: Từ việc tham gia trò chơi bắt sâu, hôm nay cô trò chúng ta có một buổi trải nghiệm ngoài thiên nhiên để tìm hiểu sự đa dạng của các loài sinh vật tại địa điểm này – Công viên Bách Thảo.

1. **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

 **Hoạt động 2.1: Tìm hiểu cách sử dụng dụng cụ thực hành và các quy định của buổi thu mẫu thực hành**

1. **Mục tiêu:**
* Nêu được tên các dụng cụ thực hành và cách sử dụng chúng trong các trường hợp thực hành khác nhau.
1. **Nội dung:**
* Phân tích các dụng cụ thực hành thông qua mẫu dụng cụ cụ thể.
* Hệ thống câu hỏi của giáo viên.
1. **Sản phẩm:** Đáp án của HS, có thể:
* Câu trả lời của học sinh
1. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV phân chia nhóm thực hành: chia thành 3 nhóm thực hành và phân chia các dụng cụ thực hành cho mỗi nhóm.

- HS tập hợp thành nhóm, nhận dụng cụ thực hành

- GV đặt câu hỏi liên quan đến dụng cụ thực hành.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn học sinh quan sát và đưa ra các câu trả lời cho các câu hỏi về dụng cụ thực hành.

Câu hỏi 1: Em hãy nêu tên các dụng cụ thực hành mà nhóm mình nhận được và cách sử dụng chúng.

Câu hỏi 2: Nhãn dán mẫu được sử dụng trong trường hợp nào?

Câu hỏi 3: Đọc sách giáo khoa trang 163 và cho biết yêu cầu cơ bản khi tham gia thực hành tìm hiểu thiên nhiên là gì?

- HS quan sát dụng cụ, đọc sách giáo khoa, thảo luận và tìm câu trả lời cho câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:

- HS trả lời các câu hỏi

Câu hỏi 1: - Dụng cụ để lấy mẫu: Panh kẹp, vợt.

 - Dụng cụ để đựng mẫu: Lọ đựng mẫu.

 - Dụng cụ để quan sát mẫu: máy ảnh, ống nhòm, kính lúp.

 - Dụng cụ để ghi chú mẫu: nhãn dán

Câu hỏi 2: Nhãn dán mẫu được sử dụng khi lấy mẫu mang về, nhằm tránh nhầm lẫn các mẫu vật thu thập được và lưu lại một số thông tin quan trọng của mẫu vật.

Câu hỏi 3: Yêu cầu cơ bản khi tham gia thực hành tìm hiểu thiên nhiên là:

 - Trang phục gọn gàng, phù hợp.

 - Tuân thủ các yêu cầu, nguyên tắc khi tham gia thực hành.

 - Chú ý nhận diện các sinh vật có chứa độc tố.

- HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức

- HS lắng nghe và ghi nhớ.

**Hoạt động 2.2: Thực hành tìm hiểu đa dạng sinh học tại công viên Bách Thảo**

1. **Mục tiêu:**
* Quan sát và ghi chú lại được những đặc điểm của một số sinh vật có trong Công viên Bách Thảo.
* Hoạt động nhóm và hoàn thành được phiếu học tập của nhóm mình.
1. **Nội dung:**
* Học sinh hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập của nhóm mình, cụ thể:

+ Nhóm số 1: Các nhiệm vụ điều tra đa dạng sinh học thực vật trong vườn Bách Thảo

+ Nhóm số 2: Các nhiệm vụ điều tra đa dạng sinh học động vật trong vườn Bách Thảo

+ Nhóm số 3: Các nhiệm vụ điều tra môi trường và đa dạng sinh học các loài sinh vật trong vườn Bách Thảo.

1. **Sản phẩm:**

+ Nhóm số 1: sản phẩm là tập san có chứa mẫu ép khô và đặc điểm nhận dạng của 10 loài thực vật.

+ Nhóm 2: Sản phẩm là tập san có chứa hình ảnh và đặc điểm khu vực sống của 10 loài động vật

+ Nhóm 3: Sản phẩm là sơ đồ tư duy trên giấy A0 về các loại môi trường sống và sinh vật có trong môi trường sống ấy.

1. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS chia nhóm, tham gia hoạt động nhóm để hoàn thành nội dung trong phiếu học tập

- Phát phiếu học tập cho học sinh.

- HS tiếp nhận phiếu học tập

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia thực hành để hoàn thành nội dung phiếu học tập

- GV có thể theo dõi, hỗ trợ các nhóm trong quá trình học sinh tìm kiếm mẫu vật trong công viên Bách Thảo (ví dụ: nêu tên một số loại cây mà HS chưa biết, …)

- GV yêu cầu các nhóm thảo luận phương án hoàn thiện sản phẩm cuối cùng dựa trên kết quả phiếu học tập

- HS các nhóm thảo luận và tiếp tục hoàn thiện phiếu học tập và đưa ra phương án hoàn thiện sản phẩm cuối cùng

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV mời nhóm học sinh trình bày kết quả phiếu học tập của nhóm mình

- HS trình bày kết quả hoạt động phiếu học tập: từng nhóm lên báo cáo kết quả phiếu học tập của nhóm mình. Có thể:

+ Nhóm 1 trình bày kết quả bảng phiếu học tập số 1

+ Nhóm 2: Trình bày kết quả bảng phiếu học tập số 2

+ Nhóm 3: Trình bày kết quả bảng phiếu học tập số 3

- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu có.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét phần kết quả phiếu học tập của từng nhóm

- HS các nhóm tự sửa vào phiếu học tập của nhóm mình.

1. **Hoạt động 3: Luyện tập**
2. **Mục tiêu:**

Trình bày được nội dung hoàn thiện của sản phẩm của nhóm mà trước đó được phân công

1. **Nội dung:**

Sản phẩm cuối cùng của mỗi nhóm:

- Nhóm 1: Sản phẩm tập san

- Nhóm 2: Sản phẩm là bài powerpoint

- Nhóm 3: Sản phẩm là sơ đồ tư duy

1. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu các nhóm hoạt động để báo cáo sản phẩm cuối cùng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS các nhóm chuẩn bị nội dung báo cáo, trình bày sản phẩm của nhóm mình

- GV hỗ trợ học sinh khi khó khăn, giữ trật tự lớp học.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo sản phẩm của nhóm mình

- HS khác nhận xét, bổ sung hoặc đặt câu hỏi cho nhóm báo cáo

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, góp ý cho sản phẩm, đánh giá và cho điểm sản phẩm của mỗi nhóm.

- HS ghi nhớ để chỉnh sửa sản phẩm của nhóm.

1. **Hoạt động 4: Vận dụng**
2. **Mục tiêu:** Đáp ứng được nhiệm vụ giáo viên đề ra có liên quan đến nội dung thực hành
3. **Nội dung:**

Hãy vẽ một bức tranh về vườn Bách Thảo theo góc nhìn của em.

1. **Sản phẩm:**
* Các bức tranh mà học sinh vẽ.
1. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu

- HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vẽ bức tranh của mình

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV yêu cầu một số HS trình bày bức tranh của mình

- HS khác quan sát, tham khảo và có thể chia sẻ bức tranh của mình với cả lớp

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét kết quả hoạt động của học sinh trong cả buổi thực hành.

**Tài liệu này được chia sẻ tại: Group Thư Viện STEM-STEAM**

<https://www.facebook.com/groups/thuvienstem>